

LỜI NÓI ĐẦU

Lý do lựa chọn nhân vật

Từ năm 8, 9 tuổi, tôi là “bạn đọc nhí” của nhà văn Hoàng Văn Bôn. Tác phẩm đầu tiên của ông đến với tôi là truyện thiếu nhi “Tướng Lâm Kỳ Đạt”, một ấn phẩm in trên giấy màu vàng rất xấu của thời bao cấp, nhưng đối với lũ trẻ trong khu tập thể Khu Công nghiệp Long Bình (đã giải thể) thời đó, thì quyển sách như một báu vật. Bởi đủ thứ chuyện trên trời dưới đất của một vùng đất phương Nam trong truyện đã hấp dẫn những đứa trẻ mới cùng cha mẹ từ miền Bắc vào. Lớn hơn chút nữa, vì ham mê đọc sách nên tôi được chọn vào lớp chuyên văn; và một trong những quyển sách trong phần thưởng cuối năm lớp 9 của tôi là tập ký “Vũ trụ”, trong đó có viết rất nhiều về nghề văn và những văn nghệ sĩ Đồng Nai.

Song phải đến khi trở thành hội viên Hội VHNT Đồng Nai, hòa mình vào với phong trào sáng tác, nghiên cứu của tỉnh nhà, tôi mới được dịp tiếp xúc với nhà văn Hoàng Văn Bôn. Qua quá trình học hỏi, trau dồi về văn học, tôi đã được đọc nhiều tác phẩm của nhà văn, và đã viết một số bài viết, tiểu luận văn chương, trong đó có chuyên luận văn học “Nhà văn Hoàng Văn Bôn – ngọt ngào và cay đắng” (chưa xuất bản).

Đến với Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai 2014, tôi thật sự vui mừng khi thấy nhà văn Hoàng Văn Bôn có tên trong danh sách 17 nhân vật tiêu biểu của tỉnh Đồng Nai. Tôi coi đây là cơ hội để mình được góp phần hiểu biết rất khiêm tốn của mình về một nhà văn lão thành của tỉnh nhà. Bài thi này sử dụng hệ thống tư liệu như Ban tổ chức cho phép, đồng thời vận dụng một số kỹ năng trong nghiên cứu Văn học để làm rõ một mảng sáng tác quan trọng trong sự nghiệp của nhân vật được chọn: nhà văn Hoàng Văn Bôn; với chủ điểm khảo sát chính là mảng sáng tác về quê hương Đồng Nai và những đóng góp cho văn học cách mạng Đồng Nai nói riêng, Nam bộ và cả nước nói chung. Tuy người viết đã có rất nhiều cố gắng, song khả năng diễn đạt có hạn, nên rất mong có sự chia sẻ, đồng cảm của bạn bè, đồng nghiệp và những người yêu thích văn chương...

Phần 1
CẢM NHẬN
Về những giá trị văn hóa - lịch sử
trong tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn

A/ SƠ LƯỢC VỀ CUỘC ĐỜI VÀ SÁNG TÁC
CỦA NHÀ VĂN HOÀNG VĂN BÔN

Tuổi ấu thơ gọi dò đi học

Nhà văn Hoàng Văn Bôn sinh ngày 7/5/1928¹, mất ngày 12/5/2006. Ngày ông mất, những cành hoa lan mừng sinh nhật của ông vẫn tươi nguyên một màu tím thủy chung, giản dị. Một số nhà di truyền học người Nga gần đây đã chứng minh được một hiện tượng kỳ lạ, là ngày mất của con người có sự liên hệ đặc biệt đến ngày sinh, vì con người có khả năng “ghi nhớ” khoảnh khắc mình được sinh ra. Điều này đúng với trường hợp nhà văn Hoàng Văn Bôn, bởi những điều ông “ghi nhớ” từ những giây phút đầu tiên của cuộc đời là những điều lớn lao không chỉ của riêng ông, mà còn của gia đình, quê hương, đất nước. Đó cũng là sự khởi đầu cho những nỗ lực phi thường của một con người sống hết mình cho lý tưởng cách mạng, cho độc lập tự do của quê hương, và cho văn chương. Ông mang những điều đó làm hành trang đi suốt cuộc đời mình, cho đến lúc ra đi trong vòng tay gia đình, đồng chí, đồng nghiệp. Và ông để lại nguyên vẹn niềm mơ ước, tình yêu và những nỗ lực trước một ngưỡng cửa mới của cuộc đời, đó là hành trình mới dành cho học trò, con cháu... những người hiểu ông và cùng chung lý tưởng với ông...

Hiện thực đời sống, cách nói khác là bối cảnh xã hội vào lúc cậu bé Huỳnh Văn Bôn (tên thật của nhà văn Hoàng Văn Bôn) được sinh ra có ý nghĩa đặc biệt đối với ông; và được “chuyển hóa” vào tác phẩm của ông như một dấu ấn sâu đậm. Ông ghi lại về chính tuổi thơ của mình:

“Cái làng Bình Long² của tôi ngày xưa nghèo lắm. Tuổi thơ của tôi, từ lớp 1 đến lớp 5 bây giờ chỉ quần quanh giữa cái lòng chảo giữa cánh rừng đại ngàn (về sau là chiến khu Đ nổi tiếng).

Cho đến năm 1945-1947 tôi không biết, không trông thấy một tờ báo. Cho đến bây giờ thực sự tôi cũng không hiểu do đâu mà tôi sớm mơ ước trở thành nhà văn một cách quyết liệt như vậy...?”

¹ Nhiều tài liệu ghi sinh năm 1930, người viết dựa theo thông tin của gia đình nhà văn Hoàng Văn Bôn

² Làng Bình Long trước năm 1975 thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Thủ Biên.

Học hết lớp ba, học hết chữ trường làng, cậu bé Huỳnh Văn Bản phải ngày ngày qua sông để học trường huyện (Tân Uyên). Cả làng chỉ có vài người được học đến lớp nhất (lớp bốn bây giờ, còn gọi là *supérieur*). Đây là những năm tháng rất vất vả nhưng cũng để lại dấu ấn rất đẹp trên trang văn của Hoàng Văn Bỏn. Sớm tinh mơ, cậu phải dắt trâu ra đồng cho anh cày bừa rồi mới trở về nhà mang mo cơm ra bên sông gọi đò. Đưa học trò đi học gọi là “đưa đò”. Sông Đồng Nai rộng dài, dữ tợn chứ không êm thắm, hiền hòa. Vậy nhưng ông già Hai Thô vẫn ngày hai lượt đưa đò miễn phí cho đám học trò. Trường Tân Uyên cách sông hơn ba cây số, học hai buổi sáng- chiều. Tối tối, cậu bé Bản ngồi một mình sát mé sông um tùm, “*vừa hú vừa khóc gọi đò*”. Bao vây sau lưng là rừng rậm, thú dữ, trước mặt là con sông đang dâng cao, chảy xiết. Bài học thiên nhiên thật vô giá. Chính dòng sông Đồng Nai đã giúp nhà văn Hoàng Văn Bỏn vũng tay chèo lái ghi lại những thước phim chiến đấu trên biển Hòn Mê, đi dọc Trường Sơn, hành quân trên biên giới Việt Lào...

Học hết lớp năm, lấy bằng sơ học, cậu bé Huỳnh Văn Bản đã kịp làm được hai việc: một là dạy cho người chị thứ sáu học chữ để “đọc tiểu thuyết”; hai là viết tập truyện trường thiên “Hai khẩu súng lục” (bằng tiếng Pháp trình độ sơ học) mỗi tuần đều được bạn học tranh nhau “mua” đọc, thưởng thức. Ông thi vào trường Pétrus Ký (trường công tại Sài Gòn), nhưng không đậu, nên vào học trường Huỳnh Khương Ninh. Học được một năm thì quân Đồng Minh ném bom tấn công Nhật, tái chiếm Nam kỳ, các trường học ở Sài Gòn đóng cửa (1943). Cậu bé Bản giã từ trường học, khăn gói về Biên Hòa. Cách mấy quãng chợ, cách một con sông, song cậu vẫn không về quê mà tìm vào trường Nguyễn Du cầu học.

Học lớp Sư phạm được hơn một năm, qua năm 1945, quân Nhật lại đảo chính. Chiến sự nổ ra ngay trên đất Biên Hòa, trường học lại đóng cửa. Thầy trò ẩn mình trong những hầm hố ngay sau trường, sát bờ sông. Máy bay của quân đội Đồng Minh quần thảo trên sông Đồng Nai truy bắt những phần tử thân Nhật. Trong thời gian này, nhà thơ – chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ³ đã sớm nhận ra, và đi tìm cho mình lý tưởng sống, đó là khái niệm về Đảng, và hình ảnh lá cờ Đảng giấu trong nhà vệ sinh trường Pétrus Ký. Còn đối với Hoàng Văn Bỏn, ông sinh ra sau Huỳnh Văn Nghệ 14 năm, sự trưởng thành của ông chính là sự kế thừa và phát huy tốt độ những giá trị sống của thời đại. Đó là những ngày cuối cùng dân ta sống trong bóng tối của kiếp nô lệ. Hoàng Văn Bỏn trở về làng Bình Long, tham gia đội Thiếu niên cứu quốc. Năm đó ông 16 tuổi.

Theo làng kháng chiến

Chú Từ Khiêm, người giữ miếu Long Chánh, vung dùi quật vào mặt trống, gào thét đến vỡ giọng: “Gậy ghen! Độc lập, tự do rồi bỏ bà con Bình Long mình ơi!”. Một bầu không khí tràn ngập, sáng khoái chưa từng thấy và có một không hai. Chính quyền về tay nhân dân. Dân làng Bình Long tự bầu người lãnh đạo–

³ Huỳnh Văn Nghệ sinh năm 1914.

chính những người dân nghèo bị thúc tô, bị đánh đập, giam cầm... đứng ra làm chính quyền cách mạng.

Hoàng Văn Bôn tham gia đội Thiếu niên cứu quốc được vài tháng, sau khi cướp chính quyền thành công chuyển sang làm thư ký của Ủy ban Nhân dân xã Bình Long. Cậu học trò ngày trước học trên lưng trâu, sớm sớm chiều chiều được người làng đưa đò đi học, nay dùng đến cái bút cái nghiên phục vụ cách mạng. Sau đó, cậu làm thư ký của Việt Minh thôn cho đến khi quân Pháp gây hấn, đánh chiếm Biên Hòa, Tân Uyên.

Vèn vèn chưa đầy một tháng độc lập, làng Bình Long lại phải bước vào cuộc kháng chiến. Bộ máy kháng chiến cũng chính là những người bản cổ nông trong làng. Lúc ấy, Chỉ huy trưởng Huỳnh Văn Nghệ đã thành lập chi đội 10 ở bên kia sông Đồng Nai. Quân Pháp nhảy vào miền Nam và tuyên bố “*bình định Nam kỳ trong vòng ba tuần lễ...*”. Đó là tham vọng của chúng trong lúc chính quyền cách mạng chưa triển khai rộng khắp và chưa thống nhất về quân đội. Thời đó, bộ đội có ở khắp nơi, nhưng lại tổ chức theo kiểu tự phát. Giáp tết Bính Tuất, bọn giặc đã tràn đến Tân Uyên. Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ ra lệnh tiêu thổ kháng chiến. Mặt trận Sài Gòn mất, Bình Lợi – Thủ Đức – Biên Hòa tan vỡ; bộ đội Nam tiến phần lớn rút về thành lập mặt trận Xuân Lộc. Tân Uyên coi như bị bỏ ngỏ. Nhưng đồng bào còn tiếc ngôi nhà, quê cha đất tổ, tiếc những ngày tháng chạp cuối năm. Và lại, họ suốt đời sống chân lấm tay bùn cấy cấy, giờ biết đi đâu, làm gì sinh sống? Chuẩn bị tản cư, nhưng sẽ tản cư ở đâu? Chú Tám Nghệ (Huỳnh Văn Nghệ) quyết định chuyển trụ sở Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh về làng Mỹ Lộc, quê ông.

Đồng bào tản cư, sau đó là lửa. “*Xe bò, xe trâu, ô tô, gồng gánh, chạt đầy gạo, đồ đạc gia đình, vừa khóc vừa lôi thôi léch thếch đi về hướng Mỹ Lộc, Phước Vĩnh, Ông Đông – Bình Chánh... Phía sau họ, lửa đã bốc cao. Nhiều ông già, bà già quỵ xuống đất, lau nước mắt lẫn khói đen, tro than... Đâu đó, tiếng súng trường, súng máy nổ từng chập. Trẻ con quần xà lỏn, đầu trần chạy theo cha mẹ, mặt mày nhọ nhem (...)*”

- *Ráng chịu cực, con. Đi vài ngày xong giặc lại trở về... Cha mẹ chúng bảo vậy...*

Nào ai ngờ, phải ba chục năm sau, những người còn sống trong chuyến ra đi hôm ấy mới được trở về làng quê”.

(Trích Tuổi thơ ngọt ngào)

Rồi cũng bắt đầu bằng hồi trống dữ dội của chú Từ Khiêm... Trưa ngày 23 tháng chạp Tàu, khi dân làng vừa tiễn ông Táo về trời, tàu Tây lù lù xuất hiện trên sông Đồng Nai, bắn phá vào các địa điểm ven sông. Vệ quốc đoàn, trong đó có Hoàng Văn Bôn, tìm mọi cách ngăn cản không cho tàu chúng cập vào bến chợ Tân Uyên, ngăn không cho giặc tràn quân lên cánh đồng quê mình. Nhưng không thể. Chúng có máy bay, tàu chiến, súng đạn tối tân, chúng đã cày nát Tân Uyên, biến dòng sông Đồng Nai thành một dòng sông máu. Cảnh tang thương diễn ra chỉ trong một ngày, một buổi. Phá nhà dân để xây bốt, dồn dân vào trại giam,

đánh đập, hành hạ, cắt cổ người. Về sau, nhà văn hồi tưởng lại: “*Lần đầu tiên tôi và bà con chung quanh khóc, không hẳn khóc vì sợ Tây, sợ chết, tiếc nuôi nhà cửa, tài sản. Mà vì lần đầu tiên trong đời tôi thấy mình là một con vật trong tay chúng, mình không còn chút quyền hành nào là của mình, của một con người. Đó là lần đầu tiên tôi xa quê hương giữa lúc hai chân tôi còn đứng trên mảnh đất quê hương*” (Tuổi thơ ngọt ngào).

Nhưng không chỉ một mình Hoàng Văn Bôn bị bắt vào trại giam, mà còn có hai người anh ruột. Giặc đã giết người anh thứ năm của nhà văn. Chính Hoàng Văn Bôn đã cùng mẹ tìm được xác anh về chôn cất. Người cha qua đời vì uất ức trước cái chết của con. Thế là ra đi. “*Vừa chôn cất anh Năm xong, tôi lay má tôi ba lay báo hiếu, xin má từ nay cho tôi theo kháng chiến. Sống thế này, không sống được*” (Tuổi thơ ngọt ngào).

Tuy nhiên, câu chuyện trên không phải là phổ biến cho tất cả mọi người. Vì trong cánh đất sôi lửa bỏng ấy, người dân hoặc là chạy vào chiến khu theo “*Tướng quân*” Tám Nghệ, hoặc chạy ra miệt Biên Hòa, Thủ Đức – họ trở thành những người dân thường, an phận chờ ngày hòa bình hoặc gián tiếp tham gia kháng chiến.

Chiến khu Đ: khởi sự dạy học, cầm bút

Sự dấn thân của các nhà văn Việt Nam lúc này cũng đáng ghi vào lịch sử nhân loại. Hầu hết các nhà văn đều hướng về ngọn cờ cách mạng của Đảng với tấm lòng nhiệt thành. Đối với tầng lớp văn nghệ sĩ miền Bắc, Đảng ra đời như một sự đại ngộ, họ đang “*tìm đường*” và lập tức nhận ra hướng đi đúng. Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Nam Cao, Nguyên Hồng – hàng trăm ngọn lửa nhỏ bùng lên thành ngọn lửa lớn, tỏa ánh sáng rực rỡ, đầy tràn khoái cảm sáng tạo và chiến đấu. Cả thi sĩ Bích Khê vẫn cố gắng nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng và đoàn người cướp chính quyền thắng lợi trước khi từ giã cuộc đời⁴. Đối với họ, có một giai đoạn “*nhận đường*” để đập tan bức tường thành tư tưởng cũ, dọn cho mình “*đôi mắt*” trong suốt, lạc quan v.v... Tất cả những vấn đề ấy dần dần định hướng cùng miền Bắc xã hội chủ nghĩa non trẻ và độc lập.

Nhưng còn miền Nam, khoảng thời gian độc lập quá ngắn ngủi, không cho phép ai do dự, tính toán. Ai lên chiến khu, ai ở lại áp chiến lược, ai vào nội ô – bao sự phân chia mà lòng dân chỉ có một. Thời ấy, bọn giặc gọi những người theo chủ nghĩa Cộng sản, những người trong phong trào dân tộc là Việt Minh. Những người trí thức học trường Tây, biết chữ Nho, đã từng đọc “*Tam quốc*”, “*Sử ký Tư Mã Thiên*” đều không khỏi đứng trước một sự lựa chọn. Thâm trầm, kín đáo, và không ít phần khổ đau. Riêng có những người như Huỳnh Văn Nghệ đã giương cao ngọn cờ cách mạng ở miền Nam, đưa trụ sở kháng chiến về làng mình, thì bộc lộ tấm lòng không chút úp mở:

⁴ Dựa theo quyển “*Tinh huyết*” tập hợp thơ Bích Khê xuất bản năm 1996.

“Ai về Bắc ta về với
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng
Từ độ mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long”

(Nhớ Bắc)

Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, những con người Nam bộ đã xác định ngay con đường của mình. Đó là một sự dần thân tự giác, tự nguyện trong một bối cảnh rối ren, phức tạp. Nhà văn Hoàng Văn Bồng – thiếu niên đã thắng một con đường đi lên chiến khu, đi kháng chiến. Ông đã trải qua gần 7 năm trời tại chiến khu Đ, làm việc ở ban Xã hội đương đầu với ba loại giặc nguy hiểm nhất: giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm.

Những người tham gia cách mạng thời bấy giờ trở thành đồng chí trên nguyên tắc tự nguyện tập hợp – tự giác hành động. Không lương, không bổng, không mần không chiếu, không thuốc sốt rét rừng, không thực phẩm dự trữ; nhưng trách nhiệm rất lớn, rất nặng nề. Dạy cho dân nghèo kháng chiến cái chữ, dựng trường học cho các em thiếu nhi. Máy bay, súng giặc phá trường, lại dựng trường khác để học. Không đủ chữ để dạy học, thì phải đi học. Từ năm 1949 đến 1951, ông được cử đi học 2 lần tại U Minh – Đồng Tháp Mười. Lần thứ nhất học trường Sư phạm Hồ Văn Long, lần thứ hai học trường trung học Bình dân. Đi để học thêm phương pháp, để lấy tài liệu. Mỗi lần đi – về mất 2, 3 tháng trời, đường xuống miền Tây, U Minh phải qua “sông bạc đầu, cầu giãm kỹ, đồng chó ngáp”... Lại phải qua bao nhiêu đồn bót của giặc, tổn thất hy sinh vì cái chữ cái nghĩa không phải là ít. Nhớ đến thời kỳ này, nhà văn Hoàng Văn Bồng hơn một lần ví đến “Đường qua Tây Trúc”.

Gian nan, vất vả, hy sinh đến đâu, khoảng trời riêng trong xanh trong tâm hồn Hoàng Văn Bồng vẫn tỏa sáng. Đêm đêm, sau những lúc lao động cực khổ, sau cái đói, cái rét ngật nghèo giữa rừng miền Đông, ông đã viết văn dưới ánh sáng của những hột cao su xỏ râu. Hai tập truyện “Dưới bóng dừa xiêm” và “Mày giết anh tao” viết trong những năm tháng ấy đã thất lạc. Ông viết lén lút, ngượng ngập trước sự chú ý của bạn bè đồng trang lứa. Ở cái tuổi 17, 18, những người xa nhà đi kháng chiến đã sớm trưởng thành – Hoàng Văn Bồng còn phải già dặn hơn rất nhiều trước những mối lo vật chất, tinh thần cho mình, cho đồng đội và nhất là các em học sinh.

Chính trong những năm tháng “khởi đầu” dữ dội ấy, năm 1948, Hoàng Văn Bồng được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam. 50 năm sau, ông tự nhìn nhận: “*Bản thân tôi trong 50 năm chưa có sai sót nào để bị khiển trách, kỷ luật về Đảng...*”⁵. Đó là niềm tự hào chân chính của một người Đảng viên, một nhà văn của nhân dân. Ông trở thành Trưởng ban giáo dục huyện Tân Uyên, được các em gọi bằng cái tên thân mật: Thầy Chín Bồng...

⁵ Báo Đồng Nai, số 21 ngày 13/11/1998, trả lời phỏng vấn nhân kỷ niệm “Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển”.

Năm 1952, Hoàng Văn Bôn tòng quân bộ đội chiến khu (trung đoàn 310), hành quân xuống U Minh cùng tiểu đoàn 307. Trong chuyến đi dài, vô cùng gian khổ này, nhà văn đã hoàn thành quyển tiểu thuyết “đầu tay”: *Vỡ đất*. Sau này, tiểu thuyết được trao giải nhất Văn học Cửu Long do Ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ và Hội văn nghệ Nam bộ trao tặng. Sách được in ra, đưa vào nội thành với cái tên bìa ngụy trang “Giọt lệ thu” để tuyên truyền. Song rất tiếc, “*Vỡ đất*” ngày nay đã thất lạc, chỉ được nghe, được biết về nó như cuốn sách mở đầu cho sự nghiệp viết văn của ông.

Nhà văn Hoàng Văn Bôn học trường lục quân Trần Quốc Tuấn (phân viện Nam bộ) tại xã Biển Bạch. Cũng tự cấp tự túc là chính, ở nhờ nhà dân, tự phát ruộng, trồng lúa. Tình quân dân, tình yêu trai gái, không khí cách mạng những năm tháng ấy tại địa đầu tổ quốc hoang sơ, dân dã đã đi vào tác phẩm “*Bông hường bông cúc*”. Tiểu thuyết này được viết đi viết lại hai lần, do lần sắp chữ thứ nhất trong rừng phải gỡ ra mang ra Bắc trong đợt tập kết, rồi hư hại hết. Nội dung xoay quanh tình yêu cô Ba Thái, con gái nhà nông tham gia kháng chiến và anh bộ đội tên Phong. Những trang viết “*Bông hường bông cúc*” tươi mát nhẹ nhàng, mang màu sắc và hương vị Nam bộ mà đến nay ta vẫn có thể tìm thấy ở sách của Hồ Biểu Chánh, Vương Hồng Sển, Bình Nguyên Lộc... và đã rất Hoàng Văn Bôn: ngôn ngữ chi tiết và tràn đầy tình cảm. Tình cảm chứ không phải là xúc cảm. Nhà văn khai thác bề sâu của nhân vật, ông thường nói đến cái tốt, cái thiện lương, lành mạnh trong tâm hồn con người. Theo thời gian, độ chín trong bút pháp của nhà văn cũng chính là tình cảm con người và cái Thiện, bao dung và trọn vẹn.

Năm 1954, sau khi hiệp định Geneve được ký kết, lực lượng cán bộ, bộ đội ở miền Nam được sắp xếp theo hai diện: một là ở lại miền Nam tiếp tục chiến đấu (nhưng không công khai), hai là ra Bắc. Ban đầu nhà văn Hoàng Văn Bôn (lúc này là chính trị viên kiêm Đại đội trưởng của phân viện) được ở lại, nhưng đến phút cuối ông và một số đồng đội được lệnh lên chuyên tàu cuối cùng ra Bắc. Thế là chỉ một chiếc ba lô, một bộ quần phục, một mái chèo trong tay, ông cùng những người anh em ấy chèo xuống suốt đêm trong rừng U Minh để kịp lên tàu, mang trong lòng niềm hy vọng và lời hứa hẹn: Chỉ hai năm thôi. Về sau, nhà văn ghi lại trong hồi ký: Lúc ra đi, ai cũng hẹn nhau: “*hai năm*” nhưng rồi ai cũng hiểu: “*phải hai chục năm sau đầy máu và nước mắt, ai trong chúng tôi hôm nay còn sống sót, mới được trở về quê hương. Một quê hương điêu tàn, kiệt quệ, gia đình nào cũng thờ người cầm súng của hai phía*” (Một ánh sao đêm).

Chuyến tàu mang mấy ngàn con người rời quê hương miền Nam đi ra miền Bắc. Đó là một cảnh lớn, ghê gớm trong cuộc đời Hoàng Văn Bôn và những người cùng thời. Trong bụng con tàu đông chật, nôn nao không chỉ có nỗi buồn chia ly và quyết tâm đấu tranh cho độc lập tự do đất nước – mà còn học tập, quan sát và cảm nhận được bao điều lớn lao của thời đại.

**Tập kết ra Bắc, tham gia bộ đội Thông tin 132,
viết tiểu thuyết “Mùa mưa”**

Từ 1955 – 1957, Hoàng Văn Bôn cùng Tiểu đoàn bộ đội thông tin 132 hành quân về biên giới Lào để bắc đường dây bí mật. Đảng đã vạch ra chiến lược lâu dài, đưa đường dây dọc biên giới Việt Lào vào tận sông Bến Hải. Đây là một trong những sự chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài của dân tộc Việt Nam. Bởi đến tháng Bảy năm 1956, nếu Diệm không chịu hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, ta bắt buộc phải dùng võ trang, Bộ tổng tư lệnh sẽ rất cần đường dây bí mật này. Nhiệm vụ chính trị của tiểu đoàn là như vậy. Nhưng không ít người cảm thấy bức bối, giận dữ vô cớ. Có người muốn quăng cây cột gỗ xuống khỏi vai mình để trốn về miền Nam cầm súng chiến đấu; có người bắt đồng nội bộ, “làm reo”. Trong lúc đó, cần và rất cần xây dựng quân đội chính quy, cần tập trung lực lượng, sẵn sàng đối mặt với những thủ đoạn thâm độc của giặc.

Cuộc đấu tranh tinh thần dai dẳng vô cùng: *“Mỗi hòn đá, mỗi góc cột điện, mỗi khe suối đều ghi khắc bên trong một tâm tư lo âu, một cuộc đấu tranh để chuyển mình tiến lên, về hướng đi của con đường: Quay về Nam ngay để chiến đấu trực diện cùng kẻ thù, hay đi theo con đường vòng của đường dây, chờ ngày có lệnh về Nam chiến đấu, hay bỏ thây trên xứ Bắc mà không sao gặp lại cha mẹ, vợ con, người yêu, mảnh đất quê hương? Sau này, cột điện có thể bị mối mọt, mục đổ, hoặc không còn ai dùng đến nó nữa, hoặc biến thành đường dây dân dụng... chẳng còn bộ Tổng tham mưu nào nhắc nhở tới nó nữa, nhưng với Hoàng và anh em chiến sĩ trong đại đội này, là cả một tuổi thanh xuân, cả một chặng đường đời không dễ dàng gì vượt qua được như thế hệ sau này sẽ nghĩ: Làm gì có cái chuyện mù quáng, ngu dốt quái quỷ ấy? Làm gì đem tuổi thanh xuân quý như vàng mà chum vào canh bạc đường dây điện mù mờ về khoa học, về tác dụng như thế? Nếu có chiến tranh thật, tại sao lại không dùng phương tiện chỉ huy hiện đại hơn, lại bám vào cái thứ dây đồng, cái dây tài ba cô lỗ ấy?...”* (Mùa mưa).

Chính trong việc giải quyết cụ thể những vấn đề cụ thể, từ những con người cụ thể ấy đã thể hiện tính nhân văn của chủ nghĩa cộng sản. Người chiến sĩ cộng sản như Hoàng, Chân, Bính, Sơn... đã từng bước nhận thức rõ nhiệm vụ cụ thể của mình dù đó là nỗi thương nhớ miền Nam như dao cắt, chỉ muốn vùng dậy mà đi, dù cho đó là tuổi thanh xuân, là cả cuộc đời. *“Không. Đường dây này sẽ còn mãi mãi như những mạch máu trong cơ thể họ”*.

Mốc chốt, cây cột điện cuối cùng, bè tre, sóng thác... Nếu lớp người trẻ tuổi đọc lại “Mùa mưa”, có lẽ họ suy nghĩ giống hệt suy nghĩ của Hoàng: Làm sao lại có một cuộc sống ghê gớm như vậy, làm sao có thể hoàn thành một công trình ghê gớm đến như vậy, và làm gì có chuyện ấy?... Họ đã đến cột mốc cuối cùng, đã hoàn thành nhiệm vụ, thành công và thành nhân. Họ lại viết đơn tình nguyện xin về Nam chiến đấu. Vì ở miền Nam, Ngô Đình Diệm cho lê máy chém thủ tiêu hàng loạt chiến sĩ cách mạng. Chúng đầu độc tù nhân ở Phú Lợi một cách dã man. Dân tộc, đất nước lại mang thêm một vết thương... Người con của miền

Nam tập kết lại thêm một nỗi đau quặn thắt, lòng căm thù càng lớn dậy. Và một nhà văn, lại càng bị thúc bách nặng nề hơn...

Thời gian sống và chiến đấu ở miền Bắc, Hoàng Văn Bôn đã có một loạt tác phẩm đề cập đến vấn đề tâm nhìn lịch sử, đó là: vượt thoát chiến tranh, củng cố và phát huy sức mạnh nhân dân, sự đoàn kết dân tộc... Tác phẩm mở đầu là tiểu thuyết “Mùa mưa”. Rồi sau này, “Trên mảnh đất này”, “Bầu trời mặt đất”, “Nhớ phố phường” và những ký sự nóng bỏng đã lột tả nỗi đau trong chiến tranh của con người, và sức bật, niềm tin đưa họ đến Ngày Mai... Chúng ta làm sao quên được Ba Râu và cô Năm Đồng Nai (Trên mảnh đất này), cô Hoài, bé Giang Nùng, bà cụ Sấn Lầu (Nhớ phố phường), Hải, Tuyết, Thu, Lâm (Bầu trời mặt đất)... những con người bằng xương bằng thịt, họ cùng đi trên một con đường chung. Tình yêu và đau khổ, rồi cầm vũ khí... Qua ngòi bút của nhà văn Hoàng Văn Bôn, mỗi nhân vật đều mang một khẩu khí riêng, một tâm vóc riêng vừa đại diện cho con người – nhân dân của thời đại Hồ Chí Minh, vừa thể hiện một “bản sắc” văn hóa rất riêng của mỗi vùng đất lửa.

Xưởng phim Quân đội và 20 năm xông pha chiến trường

Giữa năm 1960, nhà văn chào tạm biệt đời trọc Xuân Mai, chào bạn bè cùng quê để ra Hà Nội, về Tổng cục Chính trị để thành lập Điện ảnh Quân đội (tiền thân của Xưởng phim Quân đội). Ông viết: *“Lại thêm một bước nữa xa miền Nam”*. Lúc ấy, nghị quyết 15 của Đảng về đường lối đấu tranh giải phóng miền Nam đã ra đời. Nghe tin sự đoàn được lệnh tiến về Nam, nhà văn lại phải ở lại *“biết ngày nào mới được nhìn lại quê hương, gặp lại Má tôi, các anh, chị, em tôi?”* Nhà văn tâm niệm một điều thật giản dị nhưng rất có ý nghĩa: *“Nếu số phận đặt để như vậy, tôi sẽ viết. Viết về miền Nam, để được gặp lại, được trò chuyện bằng cái giọng cha sinh mẹ đẻ, được bước đi trên mảnh đất từng nuôi dưỡng tôi từ tấm bé”* (Một ánh sao đêm).

Thế là bắt đầu hơn 20 năm rong ruổi khắp các chiến trường, nơi những tuyến đầu đầy máu lửa, đầy áp tin thời sự và rất cần được tuyên truyền nhanh, trợn vện và có hiệu quả. 20 năm phải đứng cao hơn cả nòng súng chiến đấu để ghi hình trận tuyến. 20 năm phải trú ẩn ngay tuyến đầu trận địa, không ngừng tìm tòi, sáng tạo để dựng nên những bộ phim tài liệu có giá trị nghệ thuật cao. Mỗi ưu tư lớn nảy sinh: Kịch bản phim và tiểu thuyết, sự mâu thuẫn giữa hai phương thức sáng tạo (một bên là kết cấu hình ảnh, một bên là kết cấu hình tượng) làm sao hóa giải được. Bắt đầu từ năm 1962, Hoàng Văn Bôn đã thai nghén một tiểu thuyết về miền đất quê hương mình, nhưng phải đến những năm 90 ông mới hoàn thành (Nước mắt già biệt). Trong hai mươi năm làm biên kịch và phụ trách biên tập tại xưởng phim Quân đội, Hoàng Văn Bôn đã cố gắng hoàn thành trọng trách của mình, đồng thời vẫn viết, như để trả nợ những chặng đường đã từng có mặt, đã từng đi qua. Ông viết ký sự, những tác phẩm này cũng góp phần khá quan trọng trong gia tài văn xuôi của ông.

Ký sự là một thể mạnh của Hoàng Văn Bôn. Trong thời gian làm việc tại xưởng phim Quân đội, ông luôn bảo vệ quan điểm: Phim tài liệu cũng cần phải có nhân vật, nhân vật vừa phải có tầm khái quát, lại vừa phải có cuộc đời riêng, diện mạo riêng. Ký sự cũng là những ghi chép về một cuộc sống rộng lớn đang diễn ra, nhưng không thể thiếu những phần tử nhỏ góp phần làm nên cuộc sống chung đó. Nhìn chung, ký sự phải là thật, thật từ con người đến bối cảnh lịch sử, nhưng không phải chỉ là sự thật của tư liệu, mà còn là sự thật của con người, của tình cảm, của khát vọng sống trong cảm nhận của nhà văn. Trong ký sự của mình, Hoàng Văn Bôn không ngần ngại đưa cái tôi vào bối cảnh.

Hai tập ký sự nổi tiếng của Hoàng Văn Bôn viết trong thời kỳ chống Mỹ là “Hàm Rồng” và “Sóng Hòn Mê” (cùng năm 1968). “Hàm Rồng” nổi trội hơn về hình tượng nhân vật, mang một chất sâu lắng của khung cảnh chiến trường; còn “Sóng Hòn Mê” lại có thể mạnh về miêu tả, tái hiện. Bút pháp tập trung trong ký sự “Hàm Rồng” hay việc miêu tả đầy đủ chi tiết trong “Sóng Hòn Mê” đều thể hiện sự trải nghiệm trọn vẹn của tác giả trong cuộc chiến đấu với vai trò vừa là người chiến sĩ vừa là chứng nhân.

20 năm làm phim, sáng tác với một cường độ mạnh, gấp rút phi thường, nhà văn Hoàng Văn Bôn đã gửi lại cho xưởng phim quân đội 25 bộ phim, trong đó nhiều bộ phim dài tập. Đó không chỉ là hai mươi năm cống hiến của một đời người, và còn có sự đóng góp của bạn bè, đồng chí, gia đình, có ân tình của quê hương, đất nước. Sự nghiệp làm phim của nhà văn Hoàng Văn Bôn đã được tặng nhiều giải thưởng trong và ngoài nước, 2 lần được Bộ quốc phòng tặng thưởng về thành tích làm phim quân đội. Đáng tiếc là chúng ta không có điều kiện để xem lại, điếm lại những bộ phim ấy, nhà văn chỉ còn giữ lại vài tập phác thảo rất dày của những bộ phim.

Năm 1962, nhà văn Hoàng Văn Bôn dự trại sáng tác văn nghệ quân đội. Trong không khí sáng tạo rất mạnh mẽ ấy, các nhà văn đều “thi đua” viết. Phù Thăng có “Phá vây”, Mai Vui viết “Tiến quân vào Tây Bắc”, Trúc Hà có “Trong những ngày hòa bình”... Và nhà văn Hoàng Văn Bôn đã cho ra đời tiểu thuyết “Trên mảnh đất này”. Sắp xếp ý đồ sáng tác, chuẩn bị đề cương, hoàn thành tác phẩm trong thời gian rất ngắn. Song tác phẩm này đánh dấu một độ chín muồi trong tư duy và bút pháp của nhà văn. Nếu “Vỡ đất”, “Bông hường bông cúc” tạo một ấn tượng đậm nét về cuộc sống người dân Nam bộ những ngày đầu kháng chiến, thì “Trên mảnh đất này” thành công trong cả 2 mặt: dựng nên một không gian nghệ thuật (cùng những ngày đầu kháng chiến ở quê hương Nam bộ) đa chiều, và xây dựng nhân vật điển hình. Bối cảnh ấy chính là làng quê tác giả, là dòng sông Đồng Nai nhau rún, và những con người cũng là ruột thịt thân yêu.

“Đời nhà văn, có lẽ chỉ vui vui đôi ngày khi hoàn thành bản thảo, khi sách được in, còn sau đó là lo âu, nom nớp, dằn vặt, tự vấn...” (Một ánh sao đêm).

Tâm trạng phức tạp này bao hàm rất nhiều vấn đề trong cuộc đời nhà văn. Nhưng quan trọng nhất có lẽ vẫn là câu hỏi: Phải viết gì, viết như thế nào? Hơn mười lăm năm cầm bút, đã bảy tám tiểu thuyết, lại thêm những bài học rất quý giá Trường Viết văn khóa 1 Quảng Bá (1963) nhà văn Hoàng Văn Bôn vẫn không ngừng trăn trở. Nhiệm vụ của ông tại xưởng phim quân đội là một trọng trách buộc ông phải đến những tuyến lửa nóng bỏng nhất, hoàn thành kịch bản nhanh, quay phim rồi trình duyệt... Rồi lại đi... Nhớ lại, ông vẫn còn ray rứt: *“Nhiều đêm thâu, thẩn thờ giữa chiếc lô cốt cạnh đường Phùng Hưng, tự than thở: Tại sao cả năm không có được một trang tiểu thuyết? Chỉ có phim là phim. Phim ký sự nghệ thuật, nào có nói gì được nhiều.*

Đành vậy. Phải làm hai thứ một lúc. Đến một nơi nào đó để làm phim, viết kịch bản trong vài ngày, giao cho đạo diễn, quay sang tìm hiểu để viết tiểu thuyết. Không cần đến máy quay phim. Không mó đến máy ảnh. Hai chục năm ở xưởng phim Quân đội, mà tôi vẫn dốt đặc nghề quay phim, nghề phó nháy. Càng tốt.

Và từ đấy, tiểu thuyết và kịch bản phim của tôi cứ được sinh đôi. Cùng thời gian, cùng địa điểm, đề tài. Ra đời với phim về Bạch Long Vĩ thì có tiểu thuyết “Nhớ phố phường”. Cùng với phim “Người Hàm Rồng” thì có ngay tập ký sự “Hàm Rồng” cùng với phim “Hòn Mê”, có liền tập ký sự “Sóng Hòn Mê” Cùng với phim “Trận đầu đánh thắng”, có tiểu thuyết “Bầu trời mặt đất”. Cùng với phim về Hải quân, có tiểu thuyết “Sóng bạc đầu”... Cùng với phim...”

Tiểu thuyết “Nhớ phố phường” viết năm 1965. Đây là tác phẩm gọi nhớ huyền thoại và những ngày quá khứ của đảo Bạch Long Vĩ, giống như tác giả gọi nhớ về huyền thoại và quá khứ của Đồng Nai thượng, Đồng Nai hạ trong nhiều tác phẩm được viết sau năm 1980 của ông. Tiểu thuyết “Sóng bạc đầu” (viết năm 1967) viết về một biên đội hải quân trên vùng biển miền Trung – Quảng Bình. Những người lính hải quân – dân quân, cả nam lẫn nữ ra trận nghênh chiến với tàu Mỹ. Tác giả đã xây dựng một tập thể nhân vật thay vì một nhân vật, một cá nhân, đồng thời vấn đề đấu tranh tư tưởng trong từng phút từng giây để hoàn thành nhiệm vụ được giao phó được đặt ra gay gắt, rất ráo hơn cả “Mùa mưa”.

“Bầu trời mặt đất” (1974) là một tiểu thuyết hoành tráng về lực lượng không quân Việt Nam, đồng thời đi vào mổ xẻ, phân tích đời sống con người trong chiến tranh, nhất là người phụ nữ. Hai chủ đề lớn này đã được tác giả xây dựng rất công phu, sau nhiều lần viết đi viết lại, xứng đáng là một tiểu thuyết hiện đại và chuẩn mực trong sự nghiệp của nhà văn (tiếc rằng tiểu thuyết này chưa được giới học thuật quan tâm). Đó là thành quả mà nhà văn Hoàng Văn Bôn “gặt hái” được từ những năm làm phim với các đơn vị không quân. Ông đã tham gia tổ làm phim không quân, làm phim tư liệu về tang lễ của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1969. Và trên chiếc trực thăng HU1A, ngày 02/5/1975 ông đã có mặt ở Dinh Độc lập để làm phim “Chiến thắng Xuân 75 lịch sử” ở cánh phía Nam (dài 8 tập) ... sau đó chỉ bay một vòng trên vùng trời quê hương Đồng Nai rồi lại trở về với nhiệm vụ của mình ở miền Bắc...

Vì sao mà trong một khoảng thời gian rất ngắn, Hoàng Văn Bôn lại có thể hoàn thành tác phẩm của mình ở một độ kết cấu vững, “an toàn” cao đến vậy? (đặc biệt, ký sự Hàm Rồng chỉ viết trong 4 ngày). Ngoài vốn sống, sự trải nghiệm, quan sát, nhập thân của tác giả, chúng ta phải bàn đến tâm thế sáng tạo của nhà văn. Giữa chiến trường đầy máu lửa, sống – chết, được – mất, đúng – sai đều bộc lộ trong một tích tắc đồng hồ. Mà mỗi con người là cả một thế giới riêng biệt, không đày. Nhà văn không có quyền “hoài nghi” để “tồn tại”. Chỉ có thể viết ngay để khẳng định cho các lẽ phải mà ông cũng đồng đội đang tranh đấu. Nhà văn ý thức được rằng: Nếu ông hy sinh, sẽ có người cầm súng thay ông, nhưng khó có người cầm bút thay ông được. Các tác phẩm viết ngay ở chiến trường, trên hang đá cao, dưới hầm tránh bom... chính là sự giác ngộ của con người đối với chính mình.

Có thể coi Hoàng Văn Bôn là một nhà văn cách mạng điển hình, bởi vì chúng ta có thể tìm thấy ở bất kỳ trang lịch sử văn học Việt Nam nào, một chân dung nhà văn được trui rèn trong lửa đạn và trưởng thành trong cống hiến, hy sinh tương tự như cuộc đời ông. Có thể kể ra đây những nhà văn, nhà thơ như Nguyễn Tuân, Hoàng Cầm, Quang Dũng, Nam Cao, Nguyễn Thi (Nguyễn Ngọc Tấn)... Và một số nhà văn mà tên tuổi còn xa vời trong vòng kềm tỏa của Mỹ – ngụy: Vũ Bằng, Vũ Hạnh, Lý Văn Sâm, Dương Tử Giang...

Miền Nam, ngày trở về

Những năm sống trên đất Bắc, niềm an ủi lớn nhất trong lòng nhà văn chính là tình cảm của nhóm học sinh miền Nam, những người học trò của chính ông trước năm 1954 tại Tân Uyên. Nhà văn đã từng dạy dỗ, hướng đạo cho các em trong rừng chiến khu Đ, và vẫn tiếp tục cu rùa, lo lắng khi các em học tập ở miền Bắc. Đó là cái gia đình bé nhỏ của nhà văn trong lúc cô thân. Cứ mỗi dịp hè, các em lại về quây quần bên “Thầy Chín”. Đối với ông, *“nỗi nhớ miền Nam, qua các em, được an ủi, nhắc nhở rất nhiều. Quả thật là nếu một thân một mình như dự định ban đầu, khó vượt qua được những ngày đau ốm, bế tắc trong sáng tác (Thời kỳ Hoàng Văn Bôn viết tiểu thuyết “Mùa mưa”, ông được rời đơn vị trong 2 tháng để hoàn thành tác phẩm)... Nỗi nhớ nhà của các em cũng được các tiêu thuyết của tôi bù đắp bằng những nhân vật bà mẹ miền Nam, bằng cách nói, ngôn ngữ miền Nam”*. Ông rất thành thật nói rằng: *“Đến trường học sinh miền Nam nào, tôi cũng được các em chào đón hết sức thân mật, niềm nở. Tôi biết: không phải vì các tác phẩm của tôi hay. Mà vì tình cảm miền Nam, ngôn ngữ miền Nam trong các sách ấy khiến các em như được sống lại ở miền Nam quê hương”* (Một ánh sao đêm)

Cuộc sống “ngày Bắc đêm Nam” kéo dài, các em mỗi ngày mỗi lớn. Trong mắt nhà văn Hoàng Văn Bôn, người đã dành nhiều tình thương và trách nhiệm cho các em, thì thật sự các em đã lớn lúc nào không biết. *“Nhiều cái tết trong những năm qua, tôi từng nôn nao khi nghe tiếng còi tàu hỏa ngoài ga Hàng Cỏ rú vang”*... Rồi đến một cái tết, ông *“lại lang thang đến thư viện Trung ương tìm Lê*

Công, Thanh Liêm, may ra có em học sinh miền Nam nào về đó ăn tết không?” Niềm hạnh phúc nhỏ nhoi cũng chẳng còn trở lại nữa. “Công đã về quê vợ ở tận Thái Nguyên ăn tết. Thanh Liêm cũng đang ăn tết ở một đoạn đường sắt nào đó. Huỳnh Văn Bình, Huỳnh Ngọc Ảnh, Lê Ngọt, Bé, Hoàng Minh Đoàn... mỗi đứa một nơi. Bình đang học đại học kinh tế tài chính, nhưng lại đi ăn tết với bạn nào đó. Ngọc Ảnh ăn tết với chúng. Lê Hữu đang ăn tết bên đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc...” (Một ánh sao đêm).

Nhà văn Hoàng Văn Bồn lập gia đình năm 1962, năm đó ông đã ngoài 30 tuổi. Vợ ông tên Mai Quỳnh Chi, là một nhà giáo. Trong những tập hồi ký của mình, nhà văn Hoàng Văn Bồn dành nhiều trang kể về gia đình, những câu chuyện đều bình thường, giản dị như chính cuộc đời của ông vậy, nhưng vẫn có những đoạn không thể dùng lời kể được. “... Lát lâu sau, nhà tôi mới bật tiếng khóc, rất nhỏ, nhưng như từng sợi dây thép cứa lòng tôi. Ăn ở cùng nhau đã ba mặt con, ba lần sinh nở, vượt cạn thập tử nhất sinh, chưa một lần sinh nào tôi có mặt ở nhà. Không ra mặt trận ở phía Nam vĩ tuyến 17, thì ra đảo làm phim, hoặc lên biên giới phía Bắc, sang Lào, biên giới Campuchia...”

Người vợ, đã một mình chịu đựng, lo toan, đưa con đi sơ tán, theo trường dạy học, chăm cho con lúc ốm đau, lo những ngày không có thực phẩm, lương khô. Người chồng, cứ đi biên biệt, “một vài lá thư gửi về vợ con ở quê nhà với lời động viên bằng nước mắt và máu: “Anh đã dối em và các con rằng anh làm phim ở phía Bắc vĩ tuyến 17. Chỉ vì, chiến tranh mà, biết thế nào hở em. Nếu, anh có lâu về, ở quê nhà, em cố tận tảo nuôi con ăn học, nên người. Mấy năm qua, anh biết em và các con rất cực khổ, thiếu thốn hơn anh nhiều lắm. Nhưng, cái bọn giặc này, chúng tàn bạo lắm, em ơi...” Có lúc được trở về thăm gia đình, đúng lúc con đau nặng, nhà văn đến bên giường con nằm nhắm đọc đoạn vừa viết, và phần nào được an ủi: “Tôi bỗng thấy những điều mình viết là có ích: Đỗ được giấc ngủ khó khăn cho cháu”.

Thống nhất đất nước, nhà văn Hoàng Văn Bồn bôn ba trên các vùng biên giới, đất nước Campuchia đang chịu thảm họa diệt chủng 5 năm nữa, sau đó ông trở về Đồng Nai. Cả gia đình đã theo ông lên tàu vào Nam định cư ở Biên Hòa tại ngôi nhà trong xóm lò Heo, đến năm 2001 gia đình ông chuyển về cư xá Tỉnh Đới (gần Hội Cự chiến binh tỉnh Đồng Nai).

Làm việc ở Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai

Nhà văn Hoàng Văn Bồn xuất ngũ năm 1980 với quân hàm thiếu tá. Ông trở về “quê nội xa xôi” và công tác tại Hội văn học nghệ thuật Đồng Nai, giữ chức Phó Chủ tịch hội. Hội văn nghệ mới được thành lập 1 năm (ngày 22/12/1979), tuy còn rất non trẻ nhưng ngược lại, số nhân sự đông và hoạt động phong trào rất mạnh. Thế là, kể từ ngày đầu tiên cầm bút viết văn, đến nay ông mới “được” làm một nhà văn chuyên nghiệp. Vẫn đói, vẫn nghèo, nhưng bù lại, mọi người đều được sống trong bầu không khí đoàn kết, sáng tạo rất vui.

Trong thời gian này, Hoàng Văn Bồn viết “Miền đất ven sông”, “Khắc nghiệt” đều là những tiểu thuyết làm tiền đề cho bộ sử thi “Nước mắt già biệt” sau này của ông. Trong cơ chế mở cửa thị trường, giai đoạn đầu, sức viết của ông có phần chững lại, hai tiểu thuyết kể trên có sự lặp lại. Song đây là mảng đề tài hoàn toàn mới trong sáng tác của nhà văn: viết về con người Đồng Nai khoai củ ngay trên mảnh đất khoai củ Đồng Nai. Đây là một bước đi mang tính đột phá so với những tiểu thuyết viết về người Nam bộ thời kỳ đầu: “Bông hường bông cúc”, “Mùa mưa”; kể cả “Trên mảnh đất này”. Không còn cái nhìn qua ống Zoom mà khoảng cách chính là sự xa cách, những hoài nhớ, kỷ niệm, mà là sự hòa tan, vấy vùng trong máu thịt quê hương.

Đến năm 1991, theo chính sách của nhà nước, các Hội văn nghệ trên cả nước tự giải thể, mỗi Hội chỉ còn được giữ lại 3 biên chế. Nhà văn Hoàng Văn Bồn cùng với một số anh em tự rút lui, “để dành” biên chế cho những người trẻ tuổi hơn. Tại Hội VHNT Đồng Nai, ông đã kinh qua các chức vụ: Phó Chủ tịch, rồi Chủ tịch Hội. Đến năm 2001, ông được bầu là Chủ tịch danh dự của Hội VHNT Đồng Nai. Ông còn là uỷ viên của Liên hiệp Các hội VHNT Việt Nam nhiều năm liền (từ 1980 đến 2001).

Làm việc tại Nhà xuất bản Đồng Nai – viết những bộ tiểu thuyết “bản chất” nhất, tâm huyết nhất

Nhà văn Hoàng Văn Bồn nhận nhiệm vụ Giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai năm 1991. Ông tâm sự: đó là quãng thời gian thử thách cam go không kém gì thời chiến, bởi Nhà xuất bản đứng trước thử thách của cơ chế kinh tế thị trường, nhưng không vì thế mà bỏ quên nhiệm vụ chính trị và những thôi thúc trong tâm hồn. Đây là giai đoạn ông hoàn thành được những sáng tác tâm huyết nhất, đúng bản chất nhất của nhà văn xứ Đồng Nai “khoai củ” (như ông tự nhận). Nếu những tác phẩm được sáng tác ở Hàm Rồng, Hòn Mê được viết từ một quãng đời sung sức của ông, thì những tác phẩm sau này được viết bằng sự trải nghiệm của cả cuộc đời ông.

Có thể kể ra đây những quyển tiêu biểu trong giai đoạn này: bộ tiểu thuyết sử thi “Nước mắt già biệt” (4 tập), ba cuốn hồi ký “Tuổi thơ ngọt ngào”, “Một ánh sao đêm”, “Ngôi sao nhớ ai”, tập truyện ngắn “Người điên kể chuyện người điên”, tập ghi chép đồ sộ: “Vũ trụ”, và một loạt truyện thiếu nhi: “Về quê nội”, “Đội quân Hoa và cỏ”...

Tập “Vũ trụ” chia ra làm bốn phần: Thế thái – Nhân tình – chuyện đời – chuyện đạo. Dường như tựa sách phản ánh nỗi lòng thầm kín của tác giả là được nói lên mọi điều về thời đại mình, thế hệ mình, việc làm của mình và niềm đam mê số một: viết văn. Tập ghi chép, hồi ức chất chứa quá nhiều nỗi niềm ưu tư, cho thấy một “tuổi già” đã xuất hiện, trở thành một sự thử thách ghê gớm đối với nhà văn.

“Nước mắt già biệt” được coi là bộ tiểu thuyết sử thi, gồm 4 tập, đã được giải thưởng của Bộ Quốc phòng. Bộ sách ghi lại những diễn biến tình yêu và các

mối quan hệ gia đình, xóm làng, đồng đội... trải dài từ ngày Nam bộ kháng chiến cho đến khi chấm dứt chiến tranh Biên giới Tây Nam năm 1979. Nhà văn Hoàng Văn Bồng đã tái hiện những sự kiện lớn trong cuộc chiến tranh cách mạng của miền Nam được bắt đầu từ một làng quê, chính là làng Bình Long (Bình Lợi sau này), trải dài qua chiến khu Đ, ra miền Bắc... với nhiều tuyến nhân vật chính diện, phản diện. Đây cũng là quyển sách tập hợp nhiều nhân vật tiêu biểu nhất trong hệ thống tác phẩm của ông, với sự hiện diện của Sáu Nở, Thiện, Ngô Kỳ Hồng, Ngô Kỳ An, Hồng Loan, Hương, Bằng, Việt, Từ Khiêm v.v...

Nhà văn Hoàng Văn Bồng bước vào tuổi bảy mươi với tác phẩm “Lượm cái hoa rơi”, một kiểu viết giống “Nhớ gì ghi nấy” của Nguyễn Công Hoan, “Đọc đường gió bụi” của Tô Hoài hay “Tuổi già” của Sơn Nam. Trong tập sách này, ông viết những điều đã cũ, có khi lặp lại chính ông, nhưng lại ẩn tàng những rung động mới đối với cuộc đời. Khoảng thời gian ông hay kể lại là đêm: Đêm Phú Quốc, Đêm ở xã Trần Hợi... Đêm như là cuộc tri ngộ, đêm của nỗi cô đơn, sự suy tưởng. Những năm cuối đời, mặc dù bệnh nặng, ông cũng cố gắng hoàn thành tiểu thuyết cuối cùng: *Nhớ người xưa* mang tính hoài nhớ và dự báo nhiều vấn đề về bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng con người mới trong thời kỳ đổi mới của đất nước. Qua quyển tiểu thuyết này, ông muốn khẳng định những giá trị của lịch sử, của con người Việt Nam trước những biến động của thời cuộc. Có thể nói, những tác phẩm của Hoàng Văn Bồng, đặc biệt là một số ký sự viết rải rác những năm 1979 – 1981, 1988 – 1991 là một “vũ trụ nghệ thuật” mới, báo hiệu một sự đổi mới trong bút pháp nhà văn: thâm trầm, sâu kín hơn, giàu chất thơ hơn.

Cũng trong giai đoạn 1988 – 1991, nhà văn đã xuất bản một số tác phẩm có đề tài chống tiêu cực, xuất phát từ thực tế có những vụ án lớn, gây hậu quả nghiêm trọng về kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng tình nhà (Tình đời đen bạc, Phía sau vành móng ngựa...) Tuy nhiên, những tác phẩm này của ông ít được nhắc tới. Đây cũng là một mảng sáng tác của nhà văn Hoàng Văn Bồng mà chúng ta cần quan tâm tìm hiểu.

Dấu ấn nhà văn Hoàng Văn Bồng sau ngày mất

Nhà văn Hoàng Văn Bồng mất ngày 12/5/2006, với khối lượng sáng tác đồ sộ của mình, ông đã gặt hái nhiều giải thưởng có giá trị.

-Về văn học: giải nhất Hội Văn nghệ và Ủy ban Hành chính kháng chiến Nam Bộ với tiểu thuyết “Vỡ đất” (1952); giải Hội đồng văn học thiếu nhi, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với tác phẩm “Lũ chúng tôi” (1982); giải nhất Văn học Đồng Nai với các tác phẩm “Vỡ đất”, “Bông hường bông cúc”, “Mùa mưa” và “Lũ chúng tôi” (1985); giải thưởng Văn học nghệ thuật Bộ Quốc phòng cho những kịch bản phim về đề tài chiến tranh cách mạng (1985); giải khuyến khích Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh với tập truyện ngắn “Người điên kể chuyện người điên” (1992). Hội ký “Tuổi thơ ngọt ngào” nhận giải B Ủy ban Trung ương Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam

và giải Hội đồng văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam với tác phẩm Tuổi thơ ngọt ngào(1994). Tặng thưởng của Bộ Quốc phòng với các tác phẩm Vũ trụ, Nước mắt già biệt, Một ánh sao đêm (1994). Ông được truy tặng giải thưởng Nhà nước về văn học với bộ ba tác phẩm: “Mùa mưa”, “Trên mảnh đất này”, “Hàm Rồng”...

Ngoài ra, nhiều sáng tác văn học của ông được thực hiện thành Tuyển tập “Hoàng Văn Bồn – những tác phẩm tiêu biểu” (4 tập, NXB Đồng Nai, 2005 – 2007), “Hoàng Văn Bồn, những tác phẩm chọn lọc” (NXB Hội Nhà văn, 2009)... Truyện thiếu nhi “Tướng Lâm Kỳ Đạt” đã được NXB Kim Đồng tái bản đến lần thứ 10.

-Về điện ảnh, nhà văn Hoàng Văn Bồn đoạt các giải thưởng: giải Bông sen vàng với các kịch bản phim “Hàm Rồng”, “Chiến đấu giữ đảo quê hương”, “Những cô gái C3 giải phóng”, “Chiến thắng Xuân 75 lịch sử”; giải Bông sen bạc với các kịch bản “Trên tuyến đầu miền Tây tổ quốc”, “Trận đầu đánh thắng”, “Trận địa bên sông Cẩm”, “Lịch sử không lặp lại”, “Theo chân chiến sĩ”; giải thưởng quốc tế Jores Ivens kịch bản phim “Hàm Rồng”; giải Liên hoan phim quốc tế Lai zích (Đức) với kịch bản phim “Những cô gái C3 giải phóng” và “Lịch sử không lặp lại”...

Tên của ông đã được đặt cho một con đường ở phường Tân Biên – Thành phố Biên Hòa (theo Nghị quyết số 63/2012/NQ-HĐND ngày 06/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 của UBND Tỉnh Đồng Nai). Đây là con đường dài khoảng 7km, nối giữa thành phố Biên Hòa với huyện Vĩnh Cửu, quê hương ông.

Sự nghiệp và tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bồn đã được đưa vào sách giáo khoa Văn học miền Bắc, và một số công trình như “Nhà văn Việt Nam hiện đại” (Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 1992). “25 năm – một vùng tiểu thuyết” (Viện nghiên cứu KHXH&NV Tp. HCM, NXB KHXH, 2002)... Ngoài ra, một số tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bồn được chọn làm luận văn ở bậc Đại học và cao học (luận văn Cao học của Thạc sĩ Trần Minh Hậu, Đại học Văn hiến tháng 10/2013), được đưa vào chương trình văn học ngoại khóa ở Đồng Nai. Tuy nhiên, chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về sáng tác văn học của ông; mảng phim tài liệu ông thực hiện trong giai đoạn 1962 đến 1980 chưa được tìm hiểu, nghiên cứu đầy đủ...

***Tiểu kết 1:**

Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động VHNT của nhà văn Hoàng Văn Bồn chính là tấm gương sáng, là bài học cao quý *được thể hiện ở hai mặt:*

-Tuyệt đối trung thành với Đảng, với Nhân dân, với sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ và xây dựng quê hương. Ông là một đảng viên gương mẫu, luôn khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ mình được giao phó.

-Suốt đời theo đuổi niềm đam mê lớn nhất: văn chương. Bên cạnh việc hoàn thành “thiên chức” nhà văn, làm con tằm nhả tơ cần mẫn, chăm chỉ; ông hết lòng vì đồng chí, đồng đội, vì sự nghiệp chung, vì quê hương, gia đình... làm tấm gương sáng trong lao động, sáng tạo.

“Chỉ có viết, không có cách nào khác”. Nhà văn Hoàng Văn Bôn nói về đời mình như thế. Mặc dù *“Làm người, khó lắm. Làm người cách mạng càng khó. Làm người Đảng viên cách mạng, khó trăm bề...”*. Có một điều cốt yếu là ông đã dấn thân, đã bắt tay vào làm tận tâm tận lực, chưa một lần từ nan... Thời gian đã khẳng định được điều này khi ông nằm xuống, với những cống hiến trong sáng tác cũng như đóng góp của ông trong đời sống tinh thần của nhân dân cả nước nói chung, Đồng Nai nói riêng...

B/QUÊ HƯƠNG ĐỒNG NAI QUA SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG CỦA NHÀ VĂN HOÀNG VĂN BỔN

I. ĐỘNG LỰC SÁNG TÁC

Trong bài viết “Hoàng Văn Bổn, dấu ấn một đời người – một đời văn” (Lời nói đầu cho bộ sách “Hoàng Văn Bổn, những tác phẩm tiêu biểu, 4 tập, NXB Đồng Nai, 2004), TS. Huỳnh Văn Tới đã đúc kết rất chính xác về sự nghiệp văn chương nghệ thuật của nhà văn Hoàng Văn Bổn: *“Cuộc đời chấp cho Hoàng Văn Bổn đôi cánh. Cách mạng cho nhà văn hướng bay. Hạnh phúc lớn nhất của nhà văn là đồng hành cùng dân tộc”*.

Sinh ra trong một gia đình “bần cố nông”, xung quanh xóm làng cũng chỉ toàn bà con dân nghèo, bản thân học đến lớp 4 (supérieur) đã được coi là “văn hóa cao”... nhà văn Hoàng Văn Bổn đã sớm đến với nghề văn và nghề dạy học. Ban đầu ông dạy học cho chị mình, chị Sáu; đến khi chị biết chữ thì ông bắt đầu “sáng tác” cho chị đọc. Ông đã âm thầm trở thành “văn sĩ” lúc nào không hay, cũng không biết *“vào những năm ấy, tại làng tôi, ở ấp dưới kế ấp Long Chánh của tôi, có ông Lý Văn Sâm đã nổi tiếng trên văn đàn Nam bộ..., anh Huỳnh Văn Nghệ trên bước đường lưu lạc kiếm sống, cũng đã có những bài thơ chứa chan khí phách Đồng Nai...”* (Vũ trụ, trang 427) Với ông, người “chọn” nghề và nghề cũng “chọn” người từ rất sớm, trong tâm thế tự giác, khao khát mở rộng thế giới mình đang sống.

Song động lực sáng tác, giúp nhà văn suốt đời viết cật lực, không ngại nghĩ chính là quê hương Đồng Nai “khoai củ” (từ của chính nhà văn). Ông là một nhà văn “đặc sệt” chất Nam bộ, đi đến đâu, làm công việc gì cũng luôn thể hiện mình là một người con của đất Đồng Nai. Nhà văn tự nhận xét về phong cách viết văn, phong cách làm việc của mình có được cũng là nhờ có quê hương luôn đồng hành với mình: lúc nhỏ, viết là để khám phá cuộc sống xung quanh; lên chiến khu Đ, về U Minh dạy học... viết là để chia sẻ những năm tháng trực diện đánh giặc; hơn 20 năm sống trên đất Bắc, viết trong trạng thái “ngày Bắc đêm Nam”, cho người đi nỗi nhớ quê hương; những năm tháng trở về Đồng Nai, viết để “trả nợ” cho quê hương... Quê hương Đồng Nai là một tình yêu lý tưởng, lúc nào cũng nằm thường trực trong trái tim, khối óc; và cũng là cái đích ông suốt đời vươn tới. Trong sinh nhật lần thứ 70, ông viết thành thơ cái khối tình lớn lao dành cho quê hương của mình:

Mày viết chi mà viết hoài vậy hả

Bảy mươi rồi viết sao kịp hả con

Mà trong đống sách mày đã viết

Có dòng nào hơi hướng ta không?

(Sông Đồng Nai chín khúc)

Và điều đặc biệt là trong hầu hết các tác phẩm, nhà văn Hoàng Văn Bôn đều chọn quê hương Đồng Nai như là một thành tố nghệ thuật không thể thiếu: bối cảnh, nhân vật, cốt truyện... Và những tác phẩm thành công nhất, nổi tiếng nhất của ông cũng đều mang “hơi hương” Đồng Nai như Tướng Lâm Kỳ Đạt, Trên mảnh đất này, Hàm Rồng, Ó ma lai, Nước mắt già biệt, Lượm cái hoa rơi, Nhớ người xưa...

“Chất liệu” sáng tác cộng vào với tài năng, tâm huyết của tác giả đã giúp tác phẩm vượt qua những giới hạn, hòa mình vào dòng mạch lớn của văn hóa dân tộc, trở thành giá trị chung...

Nhà văn Hoàng Văn Bôn tự nguyện trở thành nhà văn, và trong bối cảnh lịch sử của quê hương, ông đã chọn trở thành một người cộng sản, một nhà văn quân đội, dần thân và trưởng thành từ “cái nôi” quê hương Đồng Nai.

II.ĐA DẠNG TRONG THỂ HIỆN:

Nhà văn Hoàng Văn Bôn từng viết: *“Tôi xa quê hương giữa lúc hai chân tôi còn đứng trên mảnh đất quê hương”* trong những ngày thơ ấu, để rồi suy niệm: *“Hầu như càng đi đến cuối đường đời, lại càng day dứt, bồi hồi, thốn thốn nhớ lại, tha thiết những bước chập chững đầu tiên...”* (Một ánh sao đêm).

Tiểu sử của nhà văn Hoàng Văn Bôn cho thấy: sinh ra và lớn lên trong giai đoạn cả dân tộc và miền Nam “quật khởi”, ông hạnh phúc được tham gia phong trào cứu quốc. Nhưng “độc lập chưa tàn điếu thuốc”, thời điểm lịch sử ấy đã khiến cho tuổi thơ của ông bị cắt đứt trong máu lửa. Con người bắt buộc phải trưởng thành trong đau thương, bất hạnh càng trở nên mạnh mẽ, can trường hơn bao giờ... Trong vai trò một người kể chuyện của thời đại, của quê hương, ông khẳng định như đinh đóng cột: *“Người cộng sản, một khi đã nắm được chính quyền trong tay, trời gầm cũng không nhả”*. Người cộng sản ấy chính là ông, ông dùng tác phẩm của mình để khẳng định tình yêu, lý tưởng và những mơ ước... luôn được khởi đi từ quê hương Đồng Nai ruột thịt của ông.

Đồng Nai xuất hiện trong tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn trước hết bằng *ngôn ngữ*. Nhà văn đưa tiếng nói, tiếng khóc, tiếng ru... của những người mẹ, người chị vào trang viết của mình. Người đọc có thể tìm thấy những câu hát dân dã:

Con vượn bông con lên non hái trái

Ta cảm thương hoài phận gái Đồng Nai...

Hoặc:

Còn đâu thưở mẹ ta ngồi

Đãi vàng trong cát lở, bồi thán năm...

Trong bộ sử thi “Nước mắt già biệt” hơn 1500 trang in, Hoàng Văn Bôn gửi gắm tâm sự về những câu ca mang giọng điệu, hơi thở của quê hương: *“Nghe kĩ*

đi anh. Phải hàng trăm, hàng nghìn năm, phải có hàng trăm, hàng nghìn đời con gái bị lừa dối, phụ bạc, đau khổ... Con sông Đồng Nai mới hát được câu hát ấy, anh ơi...” Tâm tư, tình cảm của con người Đồng Nai đã đi vào tâm hồn tác giả một cách trọn vẹn; nhờ vậy mà ông đúc kết được “triết lý tình yêu” của con người Đồng Nai từ mạch nguồn văn hóa cho đến đời sống hiện thực.

Ngôn ngữ trong tác phẩm của Hoàng Văn Bồn cũng thể hiện “địa phương tính” một cách hồn nhiên, mộc mạc, dễ hiểu. Nhưng không phải là bê nguyên xi cách nói, cách xưng hô vào tác phẩm, mà ngôn ngữ Nam bộ của tác giả luôn gắn với tính cách, hành động của nhân vật, làm nên một nền ngôn ngữ sống, sinh động. Đơn cử như tác phẩm viết cho thiếu nhi “*Tướng Lâm Kỳ Đạt*”, ông đặt biệt danh cho các em bé như tướng Lâm Kỳ Đạt, Việt quân sư, Mặt dài, Bảy cối xay... Câu chuyện đánh Tây, cướp súng của các em được kể như một bộ Tam quốc chí “thu nhỏ” với rất nhiều kế sách. Đặc biệt, những nhân vật như Theo diên, Bảy khùng, chú Từ Khiêm, ông Trương Phi... xuất hiện qua nhiều tác phẩm đã để lại ấn tượng sâu đậm qua tiếng kêu “Gáy ghen!”, và những câu nói “nửa diên nửa tỉnh”, làm người đọc cảm nhận được tình cảm trong lòng tác giả: “*Hay chính chú Tà Khâm, chú Bảy khùng, cô Theo diên, dòng sông Đồng Nai... đã nuôi dưỡng tuổi thơ tôi...*”

Hình ảnh cũng là yếu tố song hành với ngôn ngữ của nhà văn, nhằm thể hiện tình yêu quê hương, gia đình đau đáu, thường trực trong lòng ông. Trong mỗi tác phẩm, nhà văn Hoàng Văn Bồn đều mô tả cụ thể bằng từng chi tiết: ngôi nhà, cánh đồng, con trâu, bãi cỏ... Hai hình ảnh lớn, mang tính đại diện được ông nhắc đến nhiều nhất chính là dòng sông Đồng Nai và rừng chiến khu Đ. Trong đó, qua thống kê sơ bộ thì ở 2 tập “*Tuyển tập thiếu nhi Hoàng Văn Bồn*” (NXB Đồng Nai, 1997) có 105 lần nhà văn nhắc đến đích danh con sông Đồng Nai, riêng “*Tuổi thơ trong làng*” có đến 30 lần. Ut trong truyện “*Bên kia sông Đồng Nai*” đã “*thiếp đi trong đau khổ, mơ thấy uống nước dừa tươi, ăn bưởi ổi, ngồi vắt vẻo trên lưng trâu, tìm bắt ồ chim và câu cá dọc bờ sông Đồng Nai...*”. Con sông Đồng Nai cũng là nơi chứa chất những nỗi đau và tích tụ sức mạnh tinh thần quật khởi: “*Có những khuya nghe tiếng súng nổ dồn dập ngoài đầu làng, tiếng chày vò đập vào đầu người, tiếng người rên rỉ, quần quai ngoài giữa dòng sông Đồng Nai và tiếng quát thét trao gởi lại dân làng: “Tao là Việt cộng đây...”*”

Rừng chiến khu Đ, vùng đất tự do trong mơ ước của những người dân Đồng Nai cũng được thể hiện trong nhiều tác phẩm của Hoàng Văn Bồn. Nơi đây là vùng đất lý tưởng cho những sáng tạo nghệ thuật của ông, khi ông kể về những câu chuyện đánh giặc, chuyện khám phá thiên nhiên kỳ thú, những tình yêu lấp lánh vẻ đẹp và sức sống huyền thoại... “*Ó ma lai*” là một tác phẩm thấm đẫm vẻ đẹp thiên nhiên, con người Đồng Nai; bên cạnh đó còn có Nhớ rừng xưa, Thuở hồng hoang, Đội quân hoa và cỏ... (là những tác phẩm chủ yếu dành cho trẻ em) Hai hình tượng lớn – sông Đồng Nai và rừng chiến khu Đ – được thể hiện rất thành công trong những tác phẩm lớn của nhà văn Hoàng Văn Bồn, mở đầu là “*Trên mảnh đất này*”, sau đó là “*Miền đất ven sông*”, “*Nước mắt già biệt*”, “*Nhớ người xưa*”...

Bối cảnh văn hóa, lịch sử cũng là yếu tố quan trọng mà bất kỳ nhà văn nào cũng phải tái hiện được để “đóng đinh” câu chuyện của mình vào đó. Trong tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn, yếu tố này cũng gần như “trùng khớp” với đời sống của nhân vật, qua đó thể hiện nhân cách, “khẩu khí” người Đồng Nai. Đời sống của nhân vật, những bước trưởng thành của họ, đều có bóng dáng của Đồng Nai một thời đau thương trong đạn lửa, nhưng con người không bao giờ khuất phục, không bao giờ buông xuôi. Bởi đó cũng chính là phần đời của tác giả và những người anh em, bạn bè... của ông.

Bối cảnh và con người Đồng Nai là yếu tố xuyên suốt qua rất nhiều chương, đoạn, qua những tác phẩm lớn nhỏ, dài ngắn khác nhau của ông. “Mùa mưa”, tác phẩm đầu tiên viết trên đất Bắc, là kể về những người con miền Nam quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, đề sớm được trở về miền Nam phục vụ kháng chiến. “Trên mảnh đất này” cũng tái hiện nguyên vẹn bối cảnh Đồng Nai những ngày trước và sau khởi nghĩa tháng 8, bước vào cuộc kháng chiến “chín năm”. Trong những tác phẩm khác như Nhớ phố phường, Bầu trời mặt đất, Hàm Rồng... đều có những người con miền Nam thao thức trên trận địa miền Bắc, để nhớ về tuổi thơ, về cuộc kháng chiến, về “món nợ” với miền Nam ruột thịt... Tình yêu quê hương là một khối tình cảm nguyên vẹn, thủy chung trước sau như một của tác giả, và cũng là của các nhân vật của ông.

Chính vì vậy mà Hoàng Văn Bôn đã mang đến cho người đọc những con người như tướng Lâm Kỳ Đạt (Tướng Lâm Kỳ Đạt), Quý (Ó ma lai), Út (Bên kia sông Đồng Nai), Hiền (Tuổi thơ trong làng)... đều vượt sông Đồng Nai đi theo kháng chiến. Đó là hiện thân của một thế hệ trẻ thơ dám phá tan xiềng xích nô lệ. Lớp nhân vật khác là Hoàng (Mùa mưa), là Ba Râu, cô Năm Đồng Nai (Trên mảnh đất này... của thời hoa niên yêu thương, khổ đau, chiến đấu mãnh liệt. Một lớp nhân vật thể hiện sự trưởng thành toàn diện của con người Đồng Nai, làm nên dấu ấn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, rồi sau đó là chiến đấu chống nạn diệt chủng Pol Pốt, đi làm kinh tế, chống tham nhũng, cơ hội, bước vào thời kỳ mới của quê hương đất nước... đó là Bằng, Việt, Hương, Hồng Loan, Sáu Nở... (Nước mắt già biệt, Nhớ người xưa).

Không dừng lại ở đó, nhân cách, khẩu khí người Đồng Nai còn được nhân cách hóa qua những “nhân vật” cây cỏ, sông ngòi, loài vật. Điển hình như con trâu Chăn trong tướng Lâm Kỳ Đạt (con trâu đã đưa cậu bé vượt sông), được tác giả cho xuất hiện ở một số tác phẩm khác. Và ở truyện dài “Đội quân hoa và cỏ”, Trần Chăn tướng quân đã có một “câu nói” bất hủ, thể hiện sinh động tính cách điển hình của một Đồng Nai khoai củ: “"Đồng Nai này là của tui. Ai đụng đến nó, tui chém đổ ruột"... Mỗi nhân vật là một tư thế riêng, một "bản lĩnh" riêng. Dù chỉ là một kẻ nhà quê, đói rách hay làm vương làm tướng gì chẳng nữa, thì những nhân vật ấy vẫn là một lời tuyên ngôn cho sứ mệnh tồn tại và gắn bó với quê hương. Thương cảm, hồn hậu, rồi bạo liệt đó, con người Đồng Nai luôn mang trong mình một tình yêu cao cả dành cho quê hương, cho sứ mệnh giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc.

Nếu tinh thần mã thượng là "bản sắc" của những con người Đồng Nai trong tác phẩm của Hoàng Văn Bôn, thì những yếu tố bi, hài lại là phương tiện để biểu lộ sức mạnh tình yêu con người trong tác phẩm của ông. Có thể nói nhà văn đặc biệt thành công trong việc đưa tiếng khóc tiếng cười vào đời sống nhân vật của mình, và đó cũng là nét thi pháp độc đáo của riêng ông. Truyền thống văn chương Việt Nam vốn rất nghiêm trang, nghiêm túc, thường hướng đến sự tròn trịa hoa mỹ; nên những truyện Trạng Quỳnh, truyện bác Ba Phi gần như được coi là tác phẩm dân gian, thì đối với Hoàng Văn Bôn, đó chính là chất liệu để ông sáng tác. Chính vì thế mà ông đã có Từ Khiêm - một "ông trạng" của xứ Đồng Nai, biết hát bóng và ... đánh Tây. Bên cạnh đó, ông đã xây dựng thành công nhân vật Ba Râu, một người anh hùng nông dân được giác ngộ cách mạng (*Trên mảnh đất này*), một gia đình Ngô Kỳ Hồng với khát vọng làm bá chủ xứ Đồng Nai nhờ bợ dít các "quan thầy", hay một nhân vật Bằng - một thanh niên thoát ly đi làm cách mạng, mang theo một tình yêu trong sáng vô ngần với Hồng Loan (*Nước mắt già biệt*). Khóc mà không tuyệt vọng, bi lụy, cười để tiếp thêm sức mạnh yêu đời, để tiếp tục sống và chiến đấu - những điều đó đã làm say mê biết bao thế hệ bạn đọc, từ trẻ em cho đến những người từng trải.

III. THÔNG điệp HƯỚNG THIỆN, NHÂN VĂN

Từ điểm nhìn, điểm xuất phát là quê hương Đồng Nai trong những ngày máu lửa; từ đời sống của một cậu bé hiền lành, nhút nhát phải chứng kiến tội ác tày trời của quân giặc gieo xuống gia đình, quê hương mình... Hoàng Văn Bôn đã mang đến một thông điệp hướng thiện, nhân văn vào cuộc sống, và vào tác phẩm của mình. Không để cho đau thương, căm thù hủy hoại chính mình, ông đã cầm lấy bút để viết, giải tỏa, giải bày những đau khổ, mất mát; đồng thời ông sử dụng ngòi bút làm vũ khí đấu tranh. Nếu theo dõi mảng ký của nhà văn Hoàng Văn Bôn sẽ thấy ông đi rất nhiều, gặp gỡ, làm việc với rất nhiều người, trau dồi rất nhiều vốn sống, và sống nhiều cuộc đời khác nhau...

Nhà văn bộc bạch: *"Giá tôi còn nắm trong tay tôi được vài chục năm cầm bút, tôi sẽ dành phần thời gian chính đáng cho việc viết một cuốn sách về những bạn bè đã có nhiều cống hiến cho ngày hôm nay, nhưng vì hoàn cảnh éo le của chiến trường, của đất nước vì hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ quá dài, dài gấp năm lần cuộc chiến tranh vệ quốc của Liên Xô, mà còn rất nhiều người, nhiều chiến công vẫn còn thắm lặng, nhiều cảnh đời uẩn khúc chưa được cởi mở."* Chính vì thế mà ông viết về những con người bình dị nhất như những "hạt ngọc" tươi sáng nhất (chữ của chính nhà văn). Hình tượng nhân vật thời kỳ sáng tác đầu của ông có thể coi là những người anh hùng nông dân áo vải, như Tướng cướp Bảy Li, người được mệnh danh là Colonen Bảy Lý, đến với cách mạng, anh ta khẳng khái *"cười gằn, xé nát những tờ lệnh"* và nói:

" - Vì cách mạng, tôi không trả thù ai cả! Nhưng thằng nào trước đây từng ký lệnh, dẫn Tây, Nhật truy nã tôi, từng ký lệnh xử tử bỏ tù tôi và bà con nghèo xứ Đồng Nai, từ nay, xin đừng ký lệnh sai bảo tôi làm cách mạng, sai bảo tôi ngăn

con sông Đồng Nai của tôi. Những cái lệnh ấy, chỉ có tôi, Bảy Lì và bà con nghèo xứ Đồng Nai mới có quyền ký. Tôi nói có con sông Đồng Nai làm chứng”.

Hay như Ba Râu, chỉ huy của đội quân “bộ đội Ba Râu”, thì ưu điểm cũng là khuyết điểm khi ông luôn giữ nguyên tình cảm thiêng liêng, sâu nặng với làng quê, gia đình và đồng đội. Ông đã từng nhen ngào nói với chính trị viên Thuần: *“Sống với nhau mà còn thủ áo giáp, còn thủ dao găm sau lưng, không chịu cởi trần truồng ra mà nói chuyện với nhau thì, khó ở lắm...”*

Những nét tính cách ấy đã thể hiện khá rõ trong chính cuộc đời cũng như các nhân vật của nhà văn. Khi còn ở chiến khu Đ, Hoàng Văn Bôn đã không quản ngại gian khó đi về U Minh để học thêm, mang chữ về truyền đạt lại cho học trò mình. Trở thành nhà biên kịch chính, ông sẵn sàng ra nơi tuyển lửa để hoàn thành những bộ phim tài liệu, đồng thời viết cho chính mình, những tác phẩm mang đầy hơi thở cuộc sống và sức mạnh tranh đấu. Đến những năm tháng cuối đời, ông vẫn viết không ngừng nghỉ, để xây dựng nên những mẫu người anh hùng bình dị nhất của thời cuộc. Tác phẩm của ông mang nguồn cảm hứng thời đại, đó là tư thế của người lính, người chiến sĩ cách mạng trong thời chiến cũng như thời bình, luôn ngay thẳng, thủy chung, đạo đức. Mỗi thời một nhiệm vụ, nhưng con người vẫn mãi là người con của đất Đồng Nai can trường, dũng cảm, đầy nghĩa khí. Vì vậy, tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn luôn mang hơi thở của cuộc sống, luôn thể hiện tính đảng, tính nhân dân và một tinh thần dân tộc tốt đẹp, bền vững.

***Tiểu kết 2:**

Trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn Hoàng Văn Bôn, ông đã viết nhiều đề tài, nhiều mảng nhân vật, phản ánh nhiều vấn đề khác nhau. Tuy nhiên, phần sáng tác “gan ruột” nhất vẫn là những tác phẩm viết về quê hương Đồng Nai, và trong khuôn khổ Hội thi tìm hiểu văn hóa - lịch sử Đồng Nai năm 2014, người viết nhắc đến những nét lớn trong mảng sáng tác này nhằm minh họa cho những đóng góp của nhà văn đối với quê hương Đồng Nai “nhau rún”. Những mảng sáng tác khác, người viết sẽ đề cập trong những chương trình khác.

Qua những sáng tác văn chương về Đồng Nai, người viết tạm đúc kết lại những nội dung sau:

-Quê hương Đồng Nai vừa là động lực sáng tác, vừa là chất liệu, vốn sống quý giá giúp cho nhà văn hòa mình vào với đời sống, vào cuộc cách mạng vĩ đại của dân tộc. Qua đó, nhà văn đã tái hiện được đời sống, tình cảm, tâm hồn của người dân; xây dựng được những khung cảnh nghệ thuật lớn, có tầm vóc song rất gần gũi với nhân dân nói chung, người Nam bộ nói riêng.

-Bối cảnh văn hóa, lịch sử Đồng Nai xuất hiện trong tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn vừa có bề rộng, vừa có chiều sâu, vừa có tính đa dạng trong thể hiện, vừa có tính nhất quán trong tư tưởng. Đó là bối cảnh của những năm tháng bảo vệ và xây dựng tổ quốc; trong đó nhà văn được lớn lên, trưởng thành và thấu cảm trọn vẹn kho tàng lịch sử, văn hóa đó, đồng thời phát triển nó thành những

giá trị mới, đó là con người, nhân cách, khẩu khí... Đồng Nai trong thời đại mới, thời đại Hồ Chí Minh.

-Tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bồng luôn là một thông điệp tích cực đối với đời sống, với quê hương. Qua đó, ông xây dựng hình tượng quê hương Đồng Nai mang một bản sắc rất riêng, rất độc đáo, và cũng rất hướng thiện, nhân văn. Vũ khí sắc bén của nhà văn chính là tình yêu dành cho quê hương, là tư tưởng yêu nước và sức sống mãnh liệt của những người dân Đồng Nai trong những cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng quê hương. Nói rộng ra, dòng mạch tư tưởng yêu nước, yêu tự do và nhiệm vụ mà Đảng, quân đội, và sau đó là quê hương Đồng Nai giao phó cho ông, đã được ông thực hiện bằng tất cả tâm huyết và tài năng của một nhà văn.

-Cùng với những mảng đề tài sáng tác khác, thì những tác phẩm viết về Đồng Nai của nhà văn Hoàng Văn Bồng có một giá trị nhất định, được bạn đọc cả nước (và cả nước ngoài) biết đến; đồng thời có sức lan tỏa rộng rãi trong nhiều thế hệ bạn đọc và nhiều thế hệ nhà văn.

PHẦN II

Những góp ý, kiến nghị

A/NHỮNG LĨNH VỰC ĐÓNG GÓP:

Những đóng góp cho lịch sử, văn hóa Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung của nhà văn Hoàng Văn Bồn có thể đánh giá ở những lĩnh vực sau đây:

- Sự nghiệp giáo dục
- Sự nghiệp điện ảnh
- Sự nghiệp văn học và xuất bản
- Sự nghiệp VHNT Đồng Nai

Người viết xin tóm lược lại như sau:

I/TRONG SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC:

-Ngay từ cách mạng tháng 8, người thanh niên Huỳnh Văn Bản (tên thật của nhà văn Hoàng Văn Bồn) đã hăng hái tham gia kháng chiến, làm theo lời khuyên của Hồ Chủ tịch: Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình. Việc làm cụ thể nhất là dạy học chữ cho anh chị em, gia đình, chòm xóm. Sau khi Pháp tái chiếm Nam bộ, cho tàu chiến nổ súng trên sông Đồng Nai, đốt cháy xóm làng, thì Hoàng Văn Bồn “lạy mẹ lên xanh”, lên chiến khu Đ tham gia kháng chiến. Ông đã trải qua gần 7 năm trời tại chiến khu Đ, làm việc ở ban Xã hội, cùng với đồng chí, đồng đội chặt cây dựng trường, lấy dầu chai làm đèn, than củi làm phấn để dạy học cho con em bộ đội kháng chiến. Năm 1948, ông được kết nạp Đảng, là Trưởng ban giáo dục huyện Tân Uyên khi tuổi đời mới 20.

Nhận thức được yêu cầu của kháng chiến, ông đi học để nâng cao kiến thức phục vụ cho cách mạng, không quản ngại một khó khăn nào, đặc biệt là làm việc trong điều kiện không hề có lương bổng hay bất cứ “chế độ” nào. Từ năm 1949 đến 1951, ông được cử đi học 2 lần tại U Minh – Đồng Tháp Mười. Sau này, khi đã là cán bộ miền Nam làm việc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ông vẫn luôn được học trò cũ tìm đến; và ông sẵn sàng chia sẻ từ đồ dùng cá nhân, những đồng nhuận bút tác phẩm, cho đến những bài học làm người... Và luôn được gọi bằng cái tên thân mật là Thầy Chín Bồn.

Sau khi nhà văn Hoàng Văn Bồn mất, những học trò của ông đã tìm đến rất đông để đưa tiễn ông. Khi đưa ông về với đất mẹ làng Bình Lợi, Tân Uyên, gia đình đã tiếp nối sự nghiệp giáo dục của ông bằng việc tặng sách, trao học bổng cho các học sinh của trường Tiểu học Bình Lợi. Theo thông tin từ gia đình của nhà văn, thì trường Tiểu học Bình Lợi đã làm hồ sơ xin được mang tên là trường Tiểu học Hoàng Văn Bồn, nhằm tưởng nhớ và tôn vinh một người con ưu tú của quê hương.

II/TRONG SỰ NGHIỆP ĐIỆN ẢNH:

Người viết đã có dịp tiếp cận với một kịch bản phim viết tay của nhà văn Hoàng Văn Bôn: Đường Trường Sơn. Đó là tập bản thảo dày hơn 200 trang giấy khổ lớn được viết chi chít các phân đoạn lớn, nhỏ. Đây là một tập bản thảo hiếm hoi ông còn giữ được, và mang theo từ Xưởng phim Quân đội về miền Nam.

Đó chỉ là một trong số trên 50 tập kịch bản phim tài liệu mà nhà văn Hoàng Văn Bôn đã viết, và cùng với các ê kíp làm phim của mình dựng lên những tác phẩm điện ảnh ở rất nhiều chiến trường, chiến dịch. Trong 20 năm làm nhiệm vụ ở Xưởng phim Quân đội, ông hoàn thành 25 bộ phim lớn nhỏ, thu hoạch 10 giải thưởng lớn về điện ảnh (01, Giải thưởng quốc tế Giorio Ivens, 01 giải Bông sen vàng, 05 giải Bông sen Bạc). Ông và đồng đội đã làm phim trong những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất, như khi làm phim Hàm Rồng, ông ngồi viết kịch bản trong hang Mất Rồng, nơi đón những loạt bom đạn dữ dội nhất của máy bay Mỹ. Sau ngày giải phóng miền Nam, ngay từ ngày 01/5/1975, ông đã có mặt ở Dinh Độc lập để làm bộ phim “Chiến thắng Xuân 75 lịch sử” (8 tập). Tuy nhiên, nhà văn chỉ có thể ngồi trên máy bay để nhìn về quê nhà Bình Lợi, Tân Uyên, nơi có mẹ ông đã chờ đợi con suốt 20 năm (đến năm 1979, ông mới chính thức được “nghỉ phép”, về Đồng Nai thăm mẹ; và năm 1980 thì trở về hẳn)... Đó là những hy sinh không hề dễ dàng đối với bất cứ một ai trong hoàn cảnh ấy, vì sau ngày đất nước thống nhất, nhà văn còn phải đi làm phim ở nhiều nơi trên nước bạn Lào, Campuchia v.v...

Điều đó thể hiện một nghị lực phi thường đối với một nhà văn quân đội, một người con của miền Nam. Viết về nhiệm vụ này, nhà thơ Xuân Sách (bạn thân của nhà văn Hoàng Văn Bôn) viết trong tang lễ bạn: *“Trông lại điện ảnh sẽ vươn rộng vươn xa rất cần một nhà văn Nam bộ. Quân đội thời chiến thì vất vả ai cũng biết, nhưng so với các ngành văn học, âm nhạc, hội họa thì điện ảnh vất vả hơn nhiều...”* (Bài viết “Người con của đất”, trích từ Tập 4, Hoàng Văn Bôn – Những tác phẩm tiêu biểu).

Cho đến nay, có những bộ phim được nhà văn Hoàng Văn Bôn và ê kíp thực hiện đã trở thành huyền thoại như Hàm Rồng, Những cô gái Quân C3 giải phóng, Trận địa bên sông Cấm, Chiến thắng Xuân 1975 lịch sử... Tuy nhiên, thế hệ ngày nay ít được tiếp cận với những bộ phim này. Người Đồng Nai càng ít được biết đến những bộ phim của nhà văn Hoàng Văn Bôn; sinh thời ông đã nhấn mạnh niềm đam mê sáng tác hơn là biên tập, biên kịch phim. Nhưng cần phải khẳng định: 25 bộ phim tài liệu chiến đấu của nhà văn Hoàng Văn Bôn là một kỳ tích không thể lặp lại, cần phải được quan tâm nghiên cứu và có sự quảng bá rộng rãi hơn đối với thế hệ trẻ hôm nay.

III/SỰ NGHIỆP XUẤT BẢN

Sự nghiệp văn học của riêng nhà văn Hoàng Văn Bôn đã được khảo sát kỹ ở phần I. Tuy nhiên, ở tuổi 60, ông mới bắt đầu làm nhiệm vụ Giám đốc Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai, đó là giai đoạn mở đầu của nền kinh tế thị trường, các

Nhà xuất bản không còn được bao cấp mà phải tự thân vận động là chính. Trong lúc này, nhà văn luôn đau đầu với những bộ tiểu thuyết còn dang dở, với một cảm nhận sâu sắc là quỹ thời gian dành cho ông không còn nhiều. Nhưng nhận nhiệm vụ mà Đảng bộ và ngành Văn hóa Đồng Nai giao phó, ông chấp nhận “chạy đua với thời gian”, để vừa đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ của Nhà xuất bản, vừa tiếp tục viết.

Từ năm 1991 đến 1998, Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai đã có nhiều giai đoạn khởi sắc, đáng chú ý là mảng sách văn học. Nhà xuất bản trở thành “bà đỡ” của nhiều nhà văn, nhà thơ trong và ngoài tỉnh; tuy có gặp nhiều khó khăn trong nhiệm vụ kinh tế, song Nhà xuất bản đã tổ chức được những tủ sách văn học như Thơ, Truyện mini, tủ sách Cô tiên xanh v.v... Tính đến nay, Nhà xuất bản Đồng Nai đã thành lập được 35 năm (1979 – 2014), thời gian làm việc của nhà văn Hoàng Văn Bồn ở đây không phải là dài, những đóng góp trong sự nghiệp xuất bản của ông không lớn bằng lĩnh vực sáng tác cũng như phát triển văn học nghệ thuật Đồng Nai. Tuy nhiên, đây thực sự là một lần nhà văn “vượt lên chính mình” để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, hoạt động này vừa có tác dụng hỗ trợ cho các nhiệm vụ khác của nhà văn Hoàng Văn Bồn, vừa kết nối lực lượng sáng tác, nghiên cứu VHNT trong và ngoài tỉnh.

Hoàng Văn Bồn cũng là một nhà văn may mắn giữ được đa số sáng tác của mình trong điều kiện thời chiến tranh. Tác phẩm của ông cũng được tỉnh Đồng Nai quan tâm, đưa vào những công trình xuất bản lớn và đã có những tuyển tập quan trọng như: Tuyển tập Hoàng Văn Bồn (3 tập), Tuyển tập tác phẩm thiếu nhi (2 tập), Hoàng Văn Bồn – những tác phẩm tiêu biểu (4 tập)...

IV/SỰ NGHIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐỒNG NAI:

Nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy đã tặng cho nhà văn Hoàng Văn Bồn một tên gọi rất có ý nghĩa: “Người gieo hạt trên miền đất ven sông” (Bài viết cho tập Vũ trụ, NXB Đồng Nai, 1993). Ông đánh giá rất cao quyết định trở về quê hương của nhà văn Hoàng Văn Bồn, cùng với những nỗ lực gây dựng, phát triển một đội ngũ sáng tác của Đồng Nai: “Ngày trở về quê hương, ông mong mỗi ở đây có cả một đội ngũ sáng tác. Anh em nào vượt lên, ông mừng vui, mong đợi... Cũng vì thế, ông là người buồn hơn tất cả, khi mấy năm gần đây, không khí hồn nhiên, hội hè của anh em chấm dứt. Một niềm tiếc nuối dai dẳng và một nỗi lo như người làm vườn sợ đất sẽ hoang vu bởi bạn xưa bỏ cày, bỏ cuộc tha phương... Nhưng ông vẫn cặm cụi viết và viết...”

Với tư cách là một bạn văn, một cây tre già đã trải nhiều mưa gió, ông viết trong tập Vũ trụ (bài “Chân dung chúng mình”): “Chúng mình, thì nhiều lắm. Tầng tầng lớp lớp như rừng măng giữa rừng tre đại ngàn chiến khu Đ năm xưa khi mùa mưa đến. Lạ vào rừng tre rừng măng đại ngàn thuở ấy thật gian nan, thật tuyệt thú...” Trong những năm 91 – 92, đội ngũ măng – tre nhất loạt phải từ già “thấp ngà nghệ thuật” để sống với kinh tế thị trường. Yêu thương là thế, xót xa là thế, nhà văn Hoàng Văn Bồn kể lại cuộc chạy đua mưu sinh của các anh em

văn nghệ sĩ Đồng Nai, xong vẫn lấy thiên chức nghệ thuật ra làm tiêu điểm cho sự phát triển: *“Hai bạn trẻ, còn rất trẻ tuổi đời vẫn cặm cụi bên trang giấy, bên máy chữ cổ lỗ. Đang nhả tơ đấy. Đang ươm hoa cho đời đấy...”*

Niềm mong muốn ươm mầm cho một vườn nghệ thuật mới, xây dựng một đội ngũ sáng tác và nghiên cứu văn hóa văn nghệ Đồng Nai của nhà văn Hoàng Văn Bồn còn bộc lộ rõ hơn trong thời gian gần đây. Trong lời chào mừng họp mặt Văn nghệ Đồng Nai đầu năm Kỷ Mão 1999, ông chính thức đưa ra lời kêu gọi rất quyết liệt: *“Nhân danh một nhà văn sinh ra và trưởng thành từ mảnh đất cha ông Đồng Nai khoai củ, tôi kêu gọi lực lượng văn học nghệ thuật, biểu diễn ở Đồng Nai phấn đấu, vượt mọi gian khổ của cơ chế kinh tế thị trường, nhanh chóng thích ứng với giai đoạn mới của cách mạng, của đất nước. Không có nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ từ trên trời rơi xuống. Mọi thiên tài đều từ đất mọc lên. Một mảnh đất cụ thể, như mảnh đất Đồng Nai ta. Hãy nhanh chóng xóa bỏ mặc cảm mình là hội viên một hội tỉnh lẻ, hội địa phương. Trên mặt trận văn học nghệ thuật, mọi người đều bình đẳng...”*

Ông phản đối gay gắt cách nói: Hoạt động văn nghệ là “Sân chơi”, *“Không có “chơi bời “gì ở đây cả... Làm việc. Làm việc nhọc nhằn, cật lực, cày sâu cuốc bẫm... mới có được tác phẩm tâm cỡ, ngang hàng với nền văn nghệ cả nước đương thời. Nếu không phải là các đồng chí, là thế hệ trẻ, thế hệ kế tiếp, thì là ai? Ai làm việc đó?”, “Nếu không phải các bạn, thì là ai?”*

Đóng góp đáng kể nhất của nhà văn Hoàng Văn Bồn trong hoạt động của Hội VHNT Đồng Nai nói riêng, và xây dựng – phát triển lực lượng văn nghệ sĩ Đồng Nai nói chung có thể đánh giá ở hai lĩnh vực chính: Thứ nhất, đó là việc thực hiện tờ báo Văn nghệ Đồng Nai (tiền thân của Tạp chí Sông Phố, và hiện nay là Tạp chí Văn nghệ Đồng Nai). Thứ hai, đó là nhà văn Lý Văn Sâm và ông đã gây dựng được một đội ngũ sáng tác với các thế hệ khác nhau ở Đồng Nai như Nguyễn Đức Thọ, Nguyễn Thị Tư, Khôi Vũ, Cao Xuân Sơn, Thu Trân, Đàm Chu Văn, Lê Đăng Kháng, Lê Thanh Xuân, Trần Ngọc Tuấn, Nguyễn Một, Trần Thu Hằng... Ông và nhà văn Khôi Vũ cũng đã gây dựng được phong trào sáng tác trong nhà trường qua tập san Dưới Mái Trường (hoạt động từ 1994 đến 2004). Tinh thần làm việc và tấm gương nỗ lực của ông chính là nguồn cổ vũ lớn cho những cây bút Đồng Nai suốt ba thập niên qua, và sẽ còn phát huy tác dụng tích cực trong thời gian tới.

B/NHỮNG KIẾN NGHỊ:

Những vấn đề, những ý kiến đóng góp, kiến nghị người viết cũng đã thể hiện trong bài viết, tuy nhiên cũng xin tổng hợp và khái quát lại một số vấn đề như sau:

1/Sau khi nhà văn Hoàng Văn Bồn mất, lãnh đạo tỉnh Đồng Nai có đưa ra ý kiến nên có một nơi để tưởng niệm nhà văn; đồng thời tập hợp di cảo, kỷ vật của nhà văn để lại như một bảo tàng thu nhỏ, lưu giữ những kỷ niệm, hình ảnh của

một nhà văn lớn của Đồng Nai và Nam bộ. Tuy nhiên, cho đến nay, ý kiến này chưa được hiện, có lẽ do chưa có đơn vị chủ trì nhiệm vụ này. Người viết cho rằng nên có một kế hoạch dài hạn nhằm tập hợp, tu bổ hình ảnh, hiện vật liên quan đến nhà văn Hoàng Văn Bôn. Trước mắt giao cho gia đình nhà văn quản lý. Sau một thời gian thực hiện (khoảng 24 tháng), những hình ảnh, hiện vật này nên giao lại cho Trung tâm Văn miếu Trấn Biên quản lý và khai thác, nhằm phục vụ cho người dân trong tỉnh, cũng như khách đến tham quan Văn miếu.

2/Cần có những công trình nghiên cứu, lý luận chuyên sâu về tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn, ở cả hai mảng văn học và điện ảnh. Tỉnh Đồng Nai có thể đặt hàng, tài trợ cho những công trình này. Cụ thể như sau:

-Nghiên cứu về ngôn ngữ địa phương, và các yếu tố văn hóa, tâm linh trong tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn. Yếu tố ngôn ngữ là một trong những thế mạnh của ông, làm nên thành công cho các tác phẩm (với bản sắc văn hóa Nam bộ, Đồng Nai). Việc này đã được thực hiện đối với nhà văn Lý Văn Sâm (qua một số công trình nghiên cứu và bộ sách “Lý Văn Sâm toàn tập” do nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy thực hiện, NXB Đồng Nai, 2002)

-Nghiên cứu tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn theo các chủ đề lớn như: đề tài thiếu nhi, đề tài người lính, đề tài người mẹ; những bài học noi theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh; những bài học làm người; những tác phẩm chống tiêu cực; những kinh nghiệm trong nghề viết văn, nghề biên kịch, đạo diễn v.v...

-Nghiên cứu mối tương quan giữa điện ảnh và văn học trong các tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn để tìm hiểu đặc điểm sáng tác, đặc trưng nghệ thuật, tầm vóc tác phẩm và các yếu tố khác...

3/Cần có các hình thức tuyên truyền về tác giả và tác phẩm, cụ thể là trong các dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn, ngày sinh, ngày mất của nhà văn Hoàng Văn Bôn.

Năm 2016, kỷ niệm 10 năm ngày mất của nhà văn, nên chăng Nhà xuất bản và Hội VHNT Đồng Nai hoàn thành và cho ra mắt một ấn phẩm về nhà văn Hoàng Văn Bôn, để bước đầu khẳng định vai trò và những đóng góp của nhà văn đối với văn hóa, văn nghệ tỉnh nhà.

4/Cần tuyên truyền nhiều hơn trên các kênh thông tin, dữ liệu chính thức về các nhà văn, nhà thơ Đồng Nai, trong đó có nhà văn Hoàng Văn Bôn. Theo ghi nhận của người viết, thì nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu trong và ngoài tỉnh rất quan tâm đến cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Hoàng Văn Bôn. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu chưa được đọc nhiều tác phẩm của ông, chưa có nhiều tư liệu, hình ảnh nên cảm nhận về nhà văn vẫn chưa được toàn diện. Cần tạo điều kiện hỗ trợ cho các nhà nghiên cứu, và đây cũng là một hình thức quảng bá tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn trên mạng.

5/Đẩy mạnh hơn nữa việc đưa tác phẩm văn học địa phương vào nhà trường, và bằng các hoạt động hiệu quả nhằm thu hút giáo viên, học sinh đọc tác phẩm văn học nói chung, tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn nói riêng.

6/Cần có sự đầu tư để tái hiện tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bôn trong lĩnh vực điện ảnh (như phim truyện). Bởi những sáng tác của nhà văn ngôn ngữ chất liệu sống và ngôn ngữ, hình ảnh Nam bộ. Đây là một hình thức “chuyển hóa” vốn văn hóa - lịch sử đã được ghi dấu ấn đậm nét trong rất nhiều sáng tác của ông.

DANH MỤC

Các tác phẩm đã xuất bản của nhà văn Hoàng Văn Bôn

I. Các tác phẩm viết về Chiến khu Đ và Đồng Nai:

- 1/. Vỡ đất, tiểu thuyết, 1952.
- 2/. Có những lớp người, tiểu thuyết, 1957.
- 3/. Trên mảnh đất này, tiểu thuyết, 1962.
- 4/. Tướng Lâm Kỳ Đạt, truyện dài thiếu nhi, 1962.
- 5/. Lũ chúng tôi, truyện dài, 1982.
- 6/. Gặp lại một dòng sông, tập ký sự, 1982.
- 7/. Miền đất ven sông, tiểu thuyết nhiều tập, 1985.
- 8/. Tình đời đen bạc, tiểu thuyết, 1989.
- 9/. Nụ cười kháng chiến, tập truyện, 1988.
- 10/. Khắc nghiệt, tiểu thuyết, 2 tập, 1989.
- 11/. Bên kia sông Đồng Nai, truyện dài, 1987.
- 12/. Theo dấu người xưa, truyện dài, 1986.
- 13/. Tuổi thơ trong làng, truyện dài, 1983.
- 14/. Về quê nội, truyện dài, 1994.
- 15/. Quê nội xa xôi, truyện dài, 1983.
- 16/. Người điên kể chuyện người điên, tập truyện ngắn, 1992.
- 17/. Nhớ rừng xưa, tiểu thuyết, 1989.
- 18/. Ó ma lai, truyện dài, 1992.
- 19/. Một ánh sao đêm, tiểu thuyết, 1994.
- 20/. Tuổi thơ ngọt ngào, tiểu thuyết, 1993.
- 21/. Ngày xưa ngày xưa, truyện dài, 1997.
- 22/. Thuở hồng hoang, tiểu thuyết, 1998.
- 23/. Lượm cái hoa rơi, tập ký sự, 2000.
- 24/. Nước mắt già biệt, tiểu thuyết 4 tập, 1995.
- 25/. Đội quân hoa và cỏ, đồng thoại, 1987.
- 26/. Nhớ người xưa, tiểu thuyết, 2004.

II. Các tác phẩm khác:

- 1/.Bông hường bông cúc, tiểu thuyết, 1957.
- 2/Mùa mưa, tiểu thuyết, 1960.
- 3/Hàm Rồng, tập ký sự, 1968.
- 4/Sóng Hòn Mê, tập ký sự, 1972.
- 5/Bầu trời mặt đất, tiểu thuyết, 1974.
- 6/Nhớ phố phường, tiểu thuyết, 1981.
- 7/Sóng bạc đầu, tiểu thuyết, 1982.
- 8/Phía sau vành móng ngựa, tiểu thuyết, 1989.
- 9/Vũ trụ, tập ký sự, 1993.
- 10/ Ngôi sao nhớ ai, tiểu thuyết, 1995.
- 11/Trăng triền núi, truyện dài, 2001.
- 12/Tuyển tập hoàng Văn Bôn, 3 tập, 1987.
- 13/Tuyển tập văn học thiếu nhi Hoàng Văn Bôn, 2 tập, 1999.
- 14/Hoàng Văn Bôn, những tác phẩm tiêu biểu, 4 tập, 2006 - 2007

PHẦN III: HÌNH ẢNH MINH HỌA



Ảnh 1: Nhà văn Hoàng Văn Bôn tại rừng U Minh (1953) trong thời gian viết tiểu thuyết *Vỡ đất*



Ảnh 2: Nhà văn Hoàng Văn Bôn, thời kỳ làm biên tập, biên kịch Xưởng phim Quân đội



Ảnh 3: Nhà văn Hoàng Văn Bôn tại vườn trẻ La Havana (Cuba)



Ảnh 4: Gia đình nhà văn Hoàng Văn Bồng năm 1980, họp mặt đại gia đình và học trò trước khi trở về Đồng Nai.



Ảnh 5: Đồng Nai, ngày đoàn tụ



Ảnh 6: Nhà văn Hoàng Văn Bôn và nhà văn Nguyễn Đình Thi – Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam



Ảnh 7: Nhà văn Hoàng Văn Bôn và nhà văn Lý Văn Sâm -Phó Tổng thư ký Hội liên hiệp VHNT Việt Nam, Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Đồng Nai khóa I (ảnh chụp tại mộ nhà thơ Huỳnh Văn Nghệ)



Ảnh 8: Trên chiếc xe đạp quen thuộc (đã được đưa vào Bảo tàng Đồng Nai sau khi nhà văn mất)



Ảnh 9: (Từ trái sang) các nhà văn Nguyễn Khải, Hoàng Văn Bôn, Trần Mạnh Hảo, Xuân Sách; ảnh chụp tại Hội VHNT Đồng Nai



Ảnh 10: Nhà văn Hoàng Văn Bôn và nhà văn Nguyễn Đức Thọ (nguyên Phó Chủ tịch Hội VHNT Đồng Nai)



Ảnh 11: Ra mắt tập san Dưới mái trường



Ảnh 12: Với họa sĩ Nguyễn Nam Ngũ, Chủ tịch Hội VHNT Đồng Nai khóa III, IV (Tại Đại hội Hội VHNT Đồng Nai lần III)



Ảnh 13: Trong vai trò Chủ tịch đoàn Đại hội lần III. Nhà văn Hoàng Văn Bồng được bầu là Chủ tịch Danh dự.



Ảnh 14: Nhà văn Hoàng Văn Bồng và vợ (nhà giáo Mai Quỳnh Chi)



Ảnh 15: Phút suy tư của nhà văn Hoàng Văn Bồn tại ngôi nhà cũ (xóm Lò Heo, Biên Hòa)



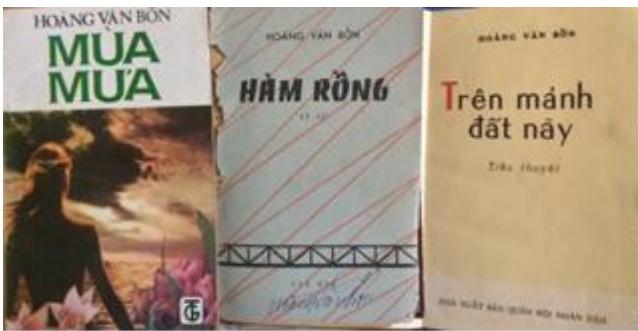
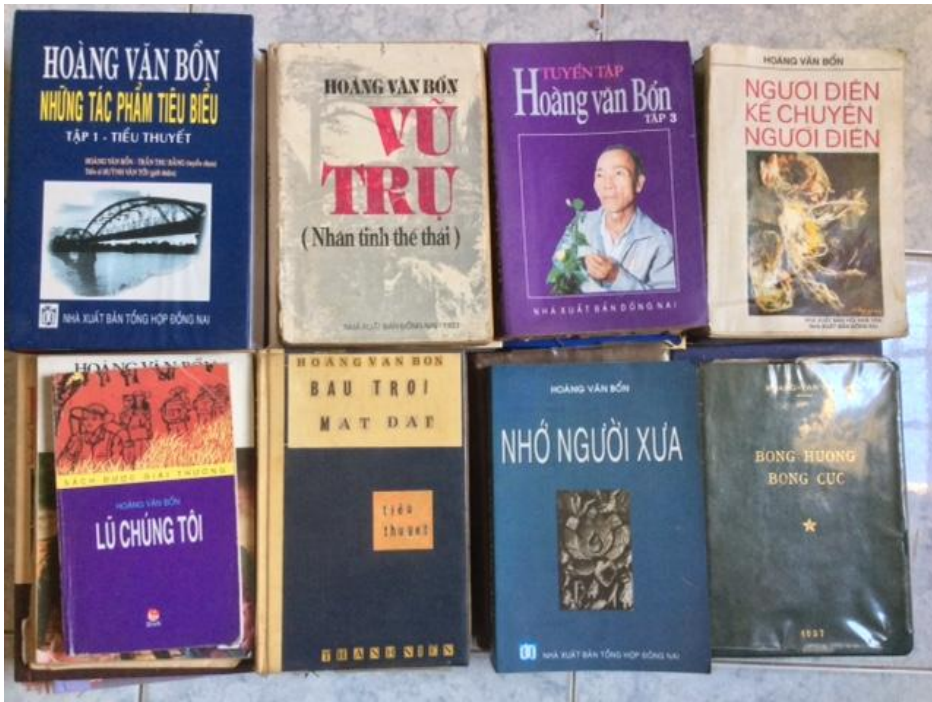
Ảnh 16: Bên kia sông là quê hương của thi tướng Huỳnh Văn Nghệ, nhà văn Lý Văn Sâm... (ghi chú ảnh của chính nhà văn)



Ảnh 17: Đại diện Hội VHNT, Nhà xuất bản Đồng Nai, xã Bình Lợi và trường Tiểu học Bình Lợi viếng mộ nhà văn Hoàng Văn Bồn



Ảnh 18: Bà Mai Quỳnh Chi thay mặt gia đình trao tặng sách và học bổng cho học sinh trường Tiểu học Bình Lợi



Ảnh 19: Một số tác phẩm đã in của nhà văn Hoàng Văn Bôn. (Ảnh nhỏ: 03 tác phẩm đạt Giải thưởng Nhà nước)



Ảnh 20: Người viết tại phòng làm việc cũ của nhà văn Hoàng Văn Bôn (Hội VHNT Đồng Nai)



Ảnh 21: Người viết và bà Mai Quỳnh Chi (vợ của nhà văn Hoàng Văn Bôn)

MỤC LỤC

- LỜI NÓI ĐẦU: Lý do lựa chọn nhân vật (trang 1)
- Phần 1: Cảm nhận về những giá trị văn hóa - lịch sử
trong tác phẩm của nhà văn Hoàng Văn Bồn (trang 2)
 - A/Sơ lược về cuộc đời và sáng tác của nhà văn Hoàng Văn Bồn (trang 2)
 - B/Quê hương Đồng Nai qua sáng tác văn chương của nhà văn Hoàng Văn Bồn (trang 18)
- Phần II: Những góp ý, kiến nghị (trang 25)
- Danh mục các tác phẩm đã xuất bản của nhà văn Hoàng Văn Bồn (trang 31)
- Phần III: Hình ảnh minh họa (trang 33)